

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP. ....</b>	<b>2</b>
<b>1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....</b>	<b>2</b>
<b>1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>2</b>
<b>1.1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, thu nhập.....</b>	<b>2</b>
<b>1.1.1.2. Ý nghĩa vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1.2. Yêu cầu quản lý .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1.2.1. Yêu cầu quản lý .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1.2.2. Nhiệm vụ.....</b>	<b>4</b>
<b>1.2. Các loại doanh thu. ....</b>	<b>4</b>
<b>1.3. Những nội dung cơ bản của phương thức bán hàng. ....</b>	<b>5</b>
<b>1.4. Những nội dung cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả doanh.....</b>	<b>7</b>
<b>1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....</b>	<b>7</b>
<b>1.4.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</b>	<b>9</b>
<b>1.4.2.1 Kế toán chiết khấu thương mại .....</b>	<b>9</b>
<b>1.4.2.2 Kế toán hàng bán bị trả lại .....</b>	<b>10</b>
<b>1.4.2.3 Kế toán giảm giá hàng bán .....</b>	<b>11</b>
<b>1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán. ....</b>	<b>12</b>
<b>1.4.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....</b>	<b>19</b>
<b>1.4.4.1. Kế toán chi phí bán hàng .....</b>	<b>19</b>
<b>1.4.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp. ....</b>	<b>21</b>
<b>1.4.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính....</b>	<b>23</b>
<b>1.4.5.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</b>	<b>23</b>
<b>1.4.5.2. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.....</b>	<b>25</b>

<b>1.4.6. Hạch toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác</b> .....	27
1.4.6.1. Hạch toán thu nhập hoạt động khác. ....	27
1.4.6.2. Hạch toán chi phí khác phát sinh. ....	28
<b>1.4.7. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh</b> .....	29
<b>1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	32
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung .....	32
1.5.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ. ....	32
1.5.3. Hình thức Nhật ký- Chứng từ. ....	33
1.5.4. Hình thức Nhật ký - sổ cái.....	33
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	33
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG.</b> .....	34
<b>2.1. Đặc điểm chung công ty TNHH thương mại Chi Lăng</b> .....	34
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH thương mại Chi Lăng.....	34
.....	
2.1.2. Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đã đạt được .....	35
2.1.2.1. Thuận lợi: .....	35
2.1.2.2. Khó khăn: .....	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.....	35
2.1.4. Chức năng, ngành nghề kinh doanh .....	36
2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	36
<b>2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng</b> .....	38
2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	38
2.2.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán .....	39
<b>2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng</b> .....	41

<b>2.3.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng</b> .....	42
<b>2.3.2. Thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng</b> .....	42
2.3.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	42
2.3.2.2. Hạch toán giá vốn hàng bán .....	53
2.3.2.3. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	61
2.3.2.4. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.....	66
2.3.2.5. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	71
2.3.2.6. Hạch toán Thu nhập khác. ....	75
2.3.2.7. Xác định kết quả kinh doanh.....	80
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG</b> .....	88
<b>3.1. Một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng</b> .....	88
3.1.1. Một số ưu điểm trong việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng .....	88
3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục. ....	89
3.1.3. Ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng .....	90

## KẾT LUẬN

**DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU****I- Danh mục các biểu:**

- Biểu 1 (Hóa đơn GTGT số 72553) .....	T46
- Biểu 2 (NKC).....	T47
- Biểu 3 (Sổ chi tiết bán hàng) .....	T48
- Biểu 4 (Sổ chi tiết thanh toán với người mua).....	T49
- Biểu 5 (Sổ cái TK 511) .....	T50
- Biểu 6 (Sổ cái TK 131).....	T51
- Biểu 7 (Sổ tổng hợp doanh thu).....	T52
- Biểu 8 (Phiếu xuất kho) .....	T55
- Biểu 9 (Sổ chi tiết giá vốn) .....	T56
- Biểu 10 (NKC).....	T57
- Biểu 11 (Sổ cái TK 632) .....	T58
- Biểu 12 (Sổ tổng hợp giá vốn).....	T59
- Biểu 13 (Hóa đơn GTGT số 69413) .....	T61
- Biểu 14 (Phiếu chi) .....	T62
- Biểu 15 (NKC).....	T64
- Biểu 16 (Sổ cái TK 642) .....	T65
- Biểu 17 (Sao kê TK KH) .....	T66
- Biểu 18 (Phiếu hạch toán GD KH) .....	T67
- Biểu 19 (NKC).....	T68
- Biểu 20 (Sổ cái TK 635) .....	T69
- Biểu 21 (Sao kê TK KH) .....	T71
- Biểu 22 (NKC).....	T72
- Biểu 23 (Sổ cái TK 515) .....	T73
- Biểu 24 (HĐ GTGT số 71109) .....	T76
- Biểu 25 (NKC).....	T77
- Biểu 26 (Sổ cái TK 711).....	T78
- Biểu 27 (NKC).....	T81
- Biểu 28 (Sổ cái TK 821) .....	T82
- Biểu 29 (Sổ cái TK 911) .....	T83
- Biểu 30 (Sổ cái TK 421).....	T84

## LỜI NÓI ĐẦU

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự quản lí của nhà nước theo định hướng XHCN. Bất kỳ một doanh nghiệp nào dù sản xuất kinh doanh hay thương mại thì đều phải thông qua khâu tiêu thụ và lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu. Muốn làm được điều đó thì các nhà quản lý phải nhận thức được vai trò của công tác kế toán. Kế toán là nguồn cung cấp thông tin cần thiết để quản lý hiệu quả hoạt động kinh tế của công ty.

Đối tượng kinh doanh thương mại là hàng hóa đó là các sản phẩm lao động được các doanh nghiệp thương mại mua về để bán ra nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất tiêu dùng và xuất khẩu. Doanh nghiệp muốn có doanh thu thì phải có hàng hóa. Nhưng giá trị và giá trị sử dụng chỉ có thể được thực hiện thông qua quá trình tiêu thụ. Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình tái sản xuất. Thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo điều kiện thu hồi vốn và bù đắp các khoản chi phí bỏ ra khi sản xuất. Mặt khác còn giúp doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN đầu tư và phát triển, nâng cao đời sống người lao động.

Hiện nay kế toán là công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế cả về mặt vĩ mô và vi mô. Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng tôi đặc biệt quan tâm đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của công ty nên tôi chọn phân hành “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lăng” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, của các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của thầy giáo- tiến sĩ Lưu Đức Tuyên, tôi đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu và XĐ KQKD tại Công ty TNHH TM Chi Lăng. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài luận văn của tôi không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài luận của tôi được hoàn thiện hơn.

## **CHƯƠNG 1**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

#### ***1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

##### ***1.1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, thu nhập***

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

Thông qua tiêu thụ giá trị hàng hoá được thực hiện, các vấn đề liên quan đến hàng hoá được xác định như: số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Tiêu thụ xét trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân là điều kiện cần thiết để tái sản xuất xã hội. Tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất.

Như vậy, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hoá cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá là điều cần thiết.

#### ***1.1.1.2. Ý nghĩa vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh***

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình trong từng thời kỳ.

#### ***1.1.2. Yêu cầu quản lý***

##### ***1.1.2.1. Yêu cầu quản lý***

Đối với doanh thu, tiêu thụ thì yêu cầu quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hoá về số lượng, chất lượng giá trị hàng hoá bán ra bao gồm quản lý từ khâu mua, khâu bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng.

##### ***1.1.2.2. Nhiệm vụ***

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần...)
- Phân bổ chi phí mua hàng cho số hàng đã bán trong kỳ và lượng hàng tồn cuối kỳ. Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hóa, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng.
- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo bán hàng, báo cáo hàng hóa chi tiết, đầy đủ. Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.
- Theo dõi, phản ánh các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính. Trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Ghi chép theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ. Kế toán cần tính toán, phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả hoạt động khác diễn ra trong kỳ.

## 1.2. Các loại doanh thu

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh bao gồm:

➤ *Nếu xét theo loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu gồm:*

- + Doanh thu bán hàng.
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- + Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia.



➤ ***Nếu xét theo thời gian, không gian tính chất kinh tế, doanh thu gồm:***

- + Doanh thu bán hàng ra ngoài.
- + Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

➤ ***Nếu xét về thời điểm kết thúc tiêu thụ, doanh thu gồm:***

- + Doanh thu bán hàng thu tiền ngay.
- + Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp.

Ngoài ra còn có các khoản thu nhập khác, tuy nhiên trong phạm vi bài viết của mình em xin đề cập đến doanh thu và các yếu tố liên quan đến hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại như:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ và bị khách hàng từ chối thanh toán.
- Chiết khấu thanh toán: là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.
- Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.
- Chi phí bán hàng: là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp.

### **1.3. Những nội dung cơ bản của phương thức bán hàng.**

Bán hàng là khâu cuối cùng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, của quá trình tuần hoàn vốn. Nếu xét dưới góc độ kinh tế bán hàng là một quá trình

chuyên giao sản phẩm, hàng hoá dịch vụ cho người mua, người đặt hàng và nhận được từ họ một số tiền tương ứng.

**\* Các phương thức bán hàng và thanh toán tiền hàng**

**a) Các phương thức bán hàng:**

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng sau:

- **Bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho ( hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.
- **Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán, gửi hàng đại lý, ký gửi:** Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức bên chủ hàng ( bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi( gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
- **Bán hàng theo phương thức trả góp:** là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo là bằng nhau trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

**b) Các phương thức thanh toán**

- Thanh toán bằng tiền mặt.
- Thanh toán không dùng tiền mặt: chi trả bằng tiền gửi ngân hàng hoặc bằng hình thức khác như trao đổi hàng lấy hàng.

**1.4. Những nội dung cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

**1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- **Các chứng từ sử dụng:**

- + Hoá đơn bán hàng( hoá đơn GTGT)
- + Phiếu xuất kho, biên bản bàn giao hàng hoá, thành phẩm.
- + Sổ chi tiết, sổ cái...
- + Chứng từ tính thuế.
- + Phiếu thu tiền mặt.
- + Giấy báo có của ngân hàng.

- **TK sử dụng:**

**TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

✓ **Bán hàng:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn 5 điều kiện Theo chuẩn mực số 14( ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/ QĐ- BTC).

✓ **Cung cấp dịch vụ:** Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một thời kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

+ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**TK 511: Không có số dư.**

- **Doanh thu bán hàng nội bộ**

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được

từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng cộng tính theo giá bán nội bộ.

**TK sử dụng: TK 512: " Doanh thu bán hàng nội bộ",**

**TK 512: Không có số dư.**

- **Sơ đồ hạch toán:**

(1) Thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp làm giảm trừ doanh thu.

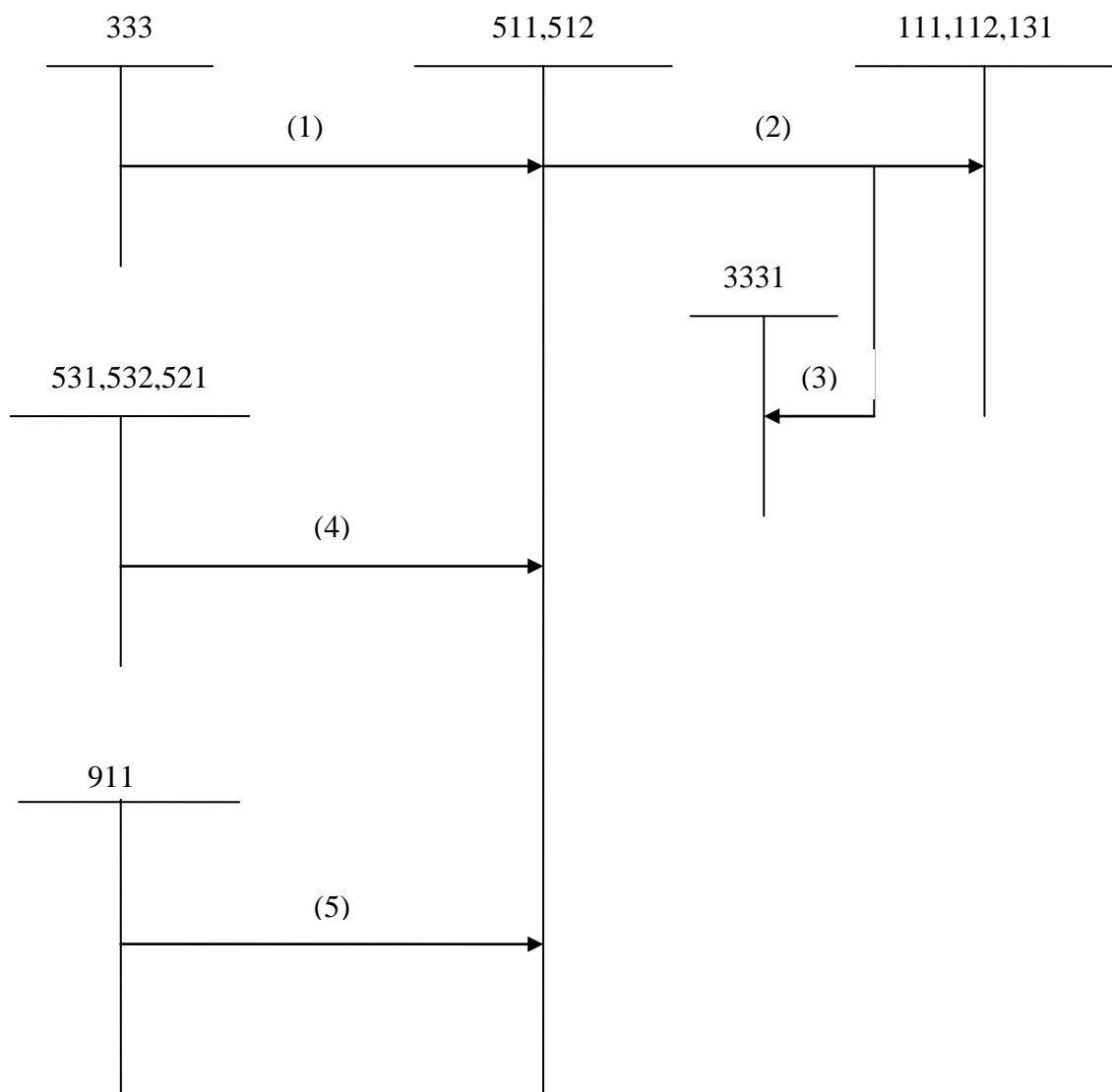
(2) Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

(3) Thuế GTGT phải nộp.

(4) Các khoản làm giảm trừ doanh thu.

(5) Kết chuyển doanh thu.

**Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng.**



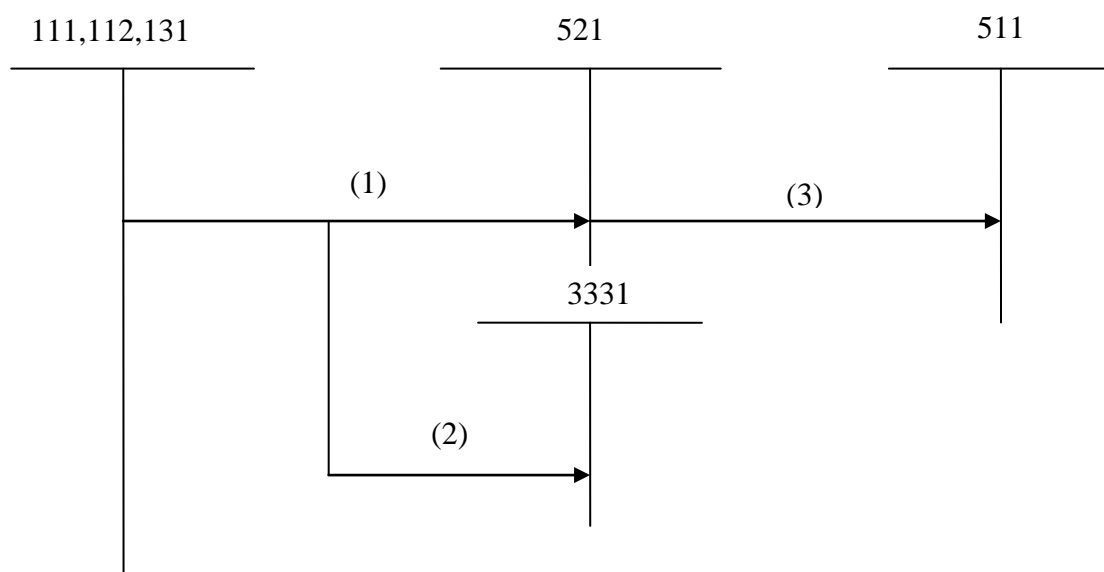
**1.4.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu****1.4.2.1- Kế toán chiết khấu thương mại**

- **Khái niệm:**

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng.

- **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 521: Chiết khấu thương mại

**Sơ đồ hạch toán****Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán TK chiết khấu thương mại**

(1) Chiết khấu thương mại.

(2) Thuế VAT của phần chiết khấu thương mại.

(3) Kết chuyển làm giảm trừ doanh thu.

**1.4.2.2- Kế toán hàng bán bị trả lại**

- **Khái niệm:**

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém chất lượng.

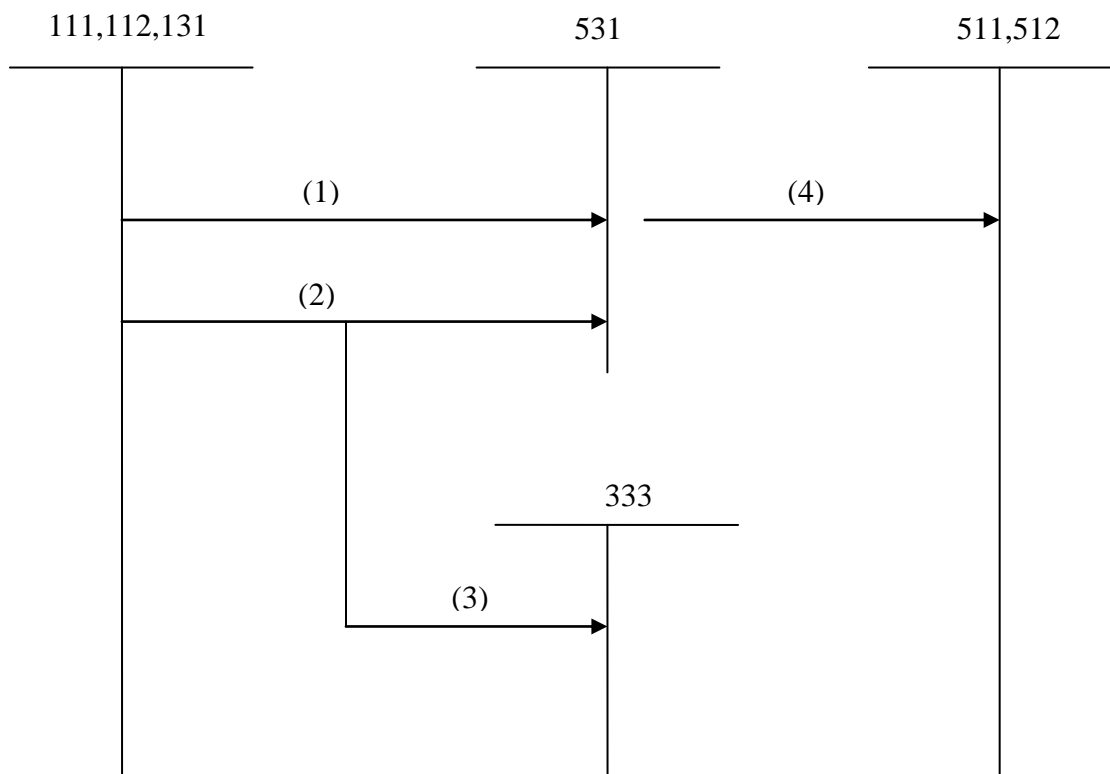
- **Tài khoản sử dụng**

**TK 531 : Hàng bán bị trả lại**

**TK 531 “Hàng bán bị trả lại” không có số dư**

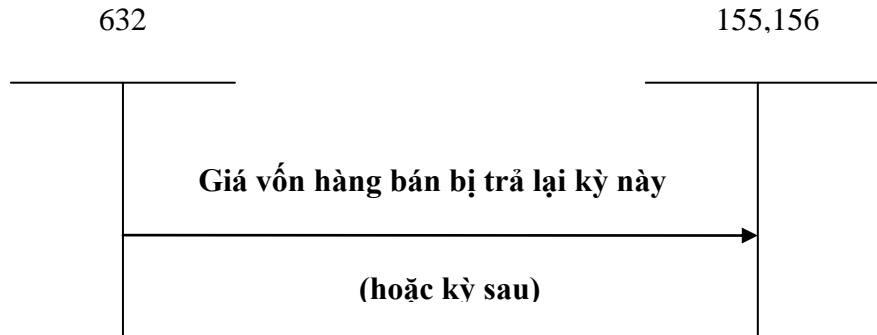
- **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại**



- (1) Trả tiền cho người mua
- (2) Hàng bán bị trả lại không thuế VAT
- (3) Thuế VAT của hàng bán bị trả lại
- (4) Kết chuyển làm giảm trừ doanh thu

## Phản ánh giảm giá vốn

**1.4.2.3- Kế toán giảm giá hàng bán**

- **Khái niệm**

Giảm giá hàng bán là các khoản giảm trừ doanh nghiệp chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn vì lý do hàng bán bị trả lại kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng.

- **Tài khoản sử dụng**

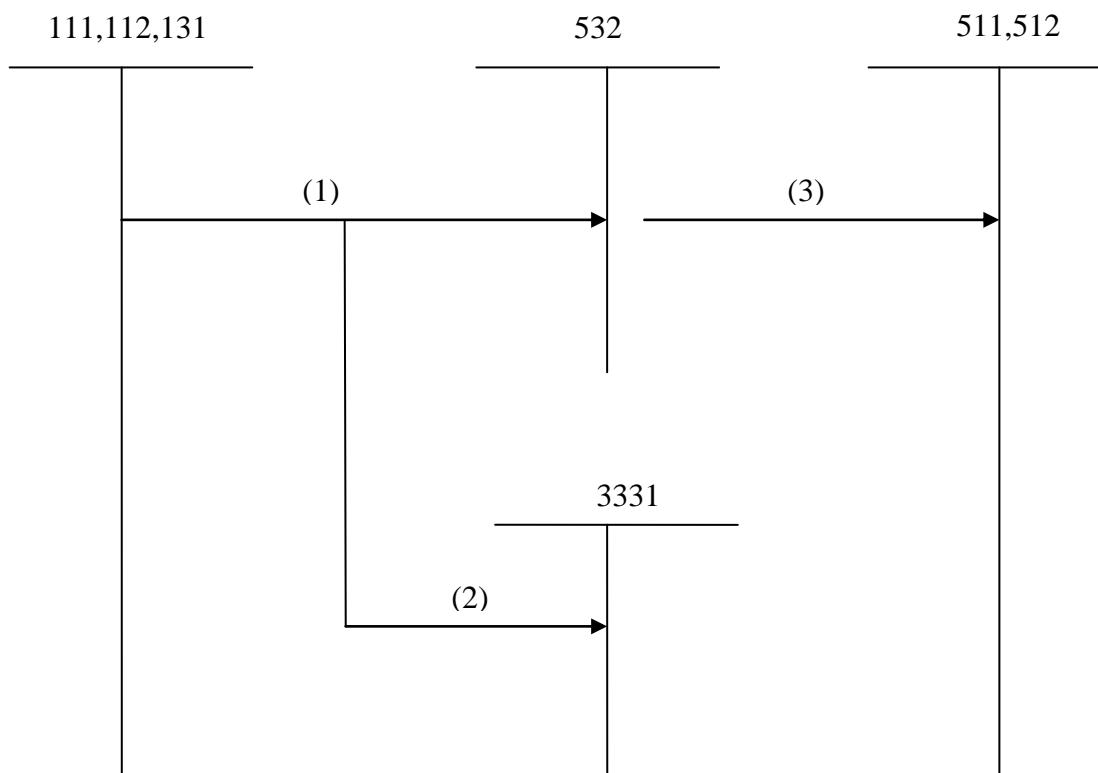
**TK 532: Giảm giá hàng bán.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Chỉ phản ánh vào TK này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi bán hàng và phát sinh hóa đơn do hàng kém phẩm chất.

**TK 532: Giảm giá hàng bán không có số dư cuối kỳ.**

- **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp giảm giá hàng bán**

(1) Giá trị hàng bán giảm giá không thuế.

(2) Số thuế VAT của số hàng giảm giá.

(3) Kết chuyển số giảm giá.

**1.4.3- Kế toán giá vốn hàng bán**

- **Khái niệm**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

- **Tài khoản sử dụng**

TK 632: Giá vốn hàng bán

**TK 632: Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.**

- **Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán**

- *Đối với doanh nghiệp sản xuất:* Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành



sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc của giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- *Đối với doanh nghiệp thương mại*: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

#### **Trong đó:**

- Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo phương pháp tính trị giá hàng tồn kho.
- Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan đến cả khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

- **Xác định trị giá vốn của hàng bán**

Sau khi xác định được trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, doanh thu hàng bán và cung cấp thông tin kế toán để trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Mặt khác, để phục vụ cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp trong việc điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, cần thiết phải xây dựng lãi thuần của hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ta phân bổ cho số hàng hóa được tiêu thụ trong kỳ.

#### **Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất kho} = \text{SL hàng hóa xuất kho} * \text{Giá mua ĐVBQ}$$

Trong đó trị giá bình quân của hàng hóa nhập kho trong kỳ được tính như sau:

$$\text{Giá ĐV thực tế BQ cả kỳ} = \frac{\text{Giá của hàng hóa Tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{SL của hàng hóa Tồn đầu kỳ} + \text{SL hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá ĐV BQ gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Tri giá hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

#### - Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này giả thiết số hàng nhập kho trước thì sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng hóa nhập trước mới đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng số hàng xuất. Cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá thực tế của hàng xuất trước. Do vậy, giá mua hàng tồn kho cuối kỳ là giá mua hàng hóa thực tế sau cùng, phương pháp này tính trong trường hợp giá ổn định và có xu hướng giảm.

#### - Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này giả định những hàng mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên ngược lại với phương pháp FIFO và thường dùng trong trường hợp hàng hóa nhập vào có xu hướng tăng giá.

#### - Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

#### • Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức bán hàng

Đề hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức bán hàng kế toán sử dụng TK sau:

TK 632: Giá vốn hàng bán.

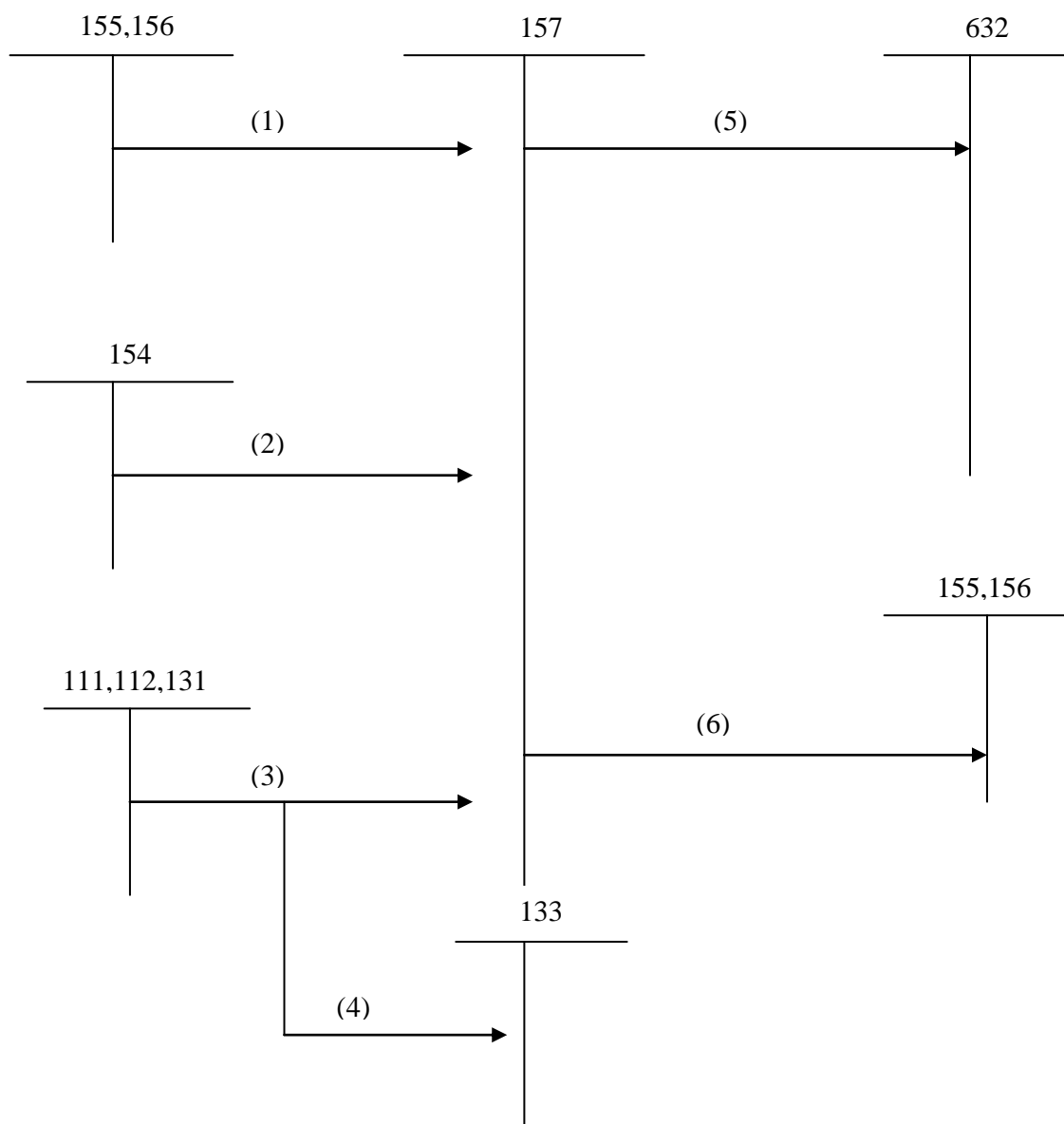
TK liên quan: 157, 111, 112, 331, 133...

- **Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức gửi hàng**

Quá trình hạch toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán được thể hiện qua sơ đồ sau:

- (1) Xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán
- (2) Lao vụ dịch vụ hoàn thành bàn giao cho khách hàng
- (3) Hàng hóa mua gửi thẳng qua đại lý
- (4) Thuế VAT của hàng mua gửi thẳng qua đại lý
- (5) Kết chuyển giá vốn hàng đã bán
- (6) Hàng không được chấp nhận

**Sơ đồ hạch toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán**  
**(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



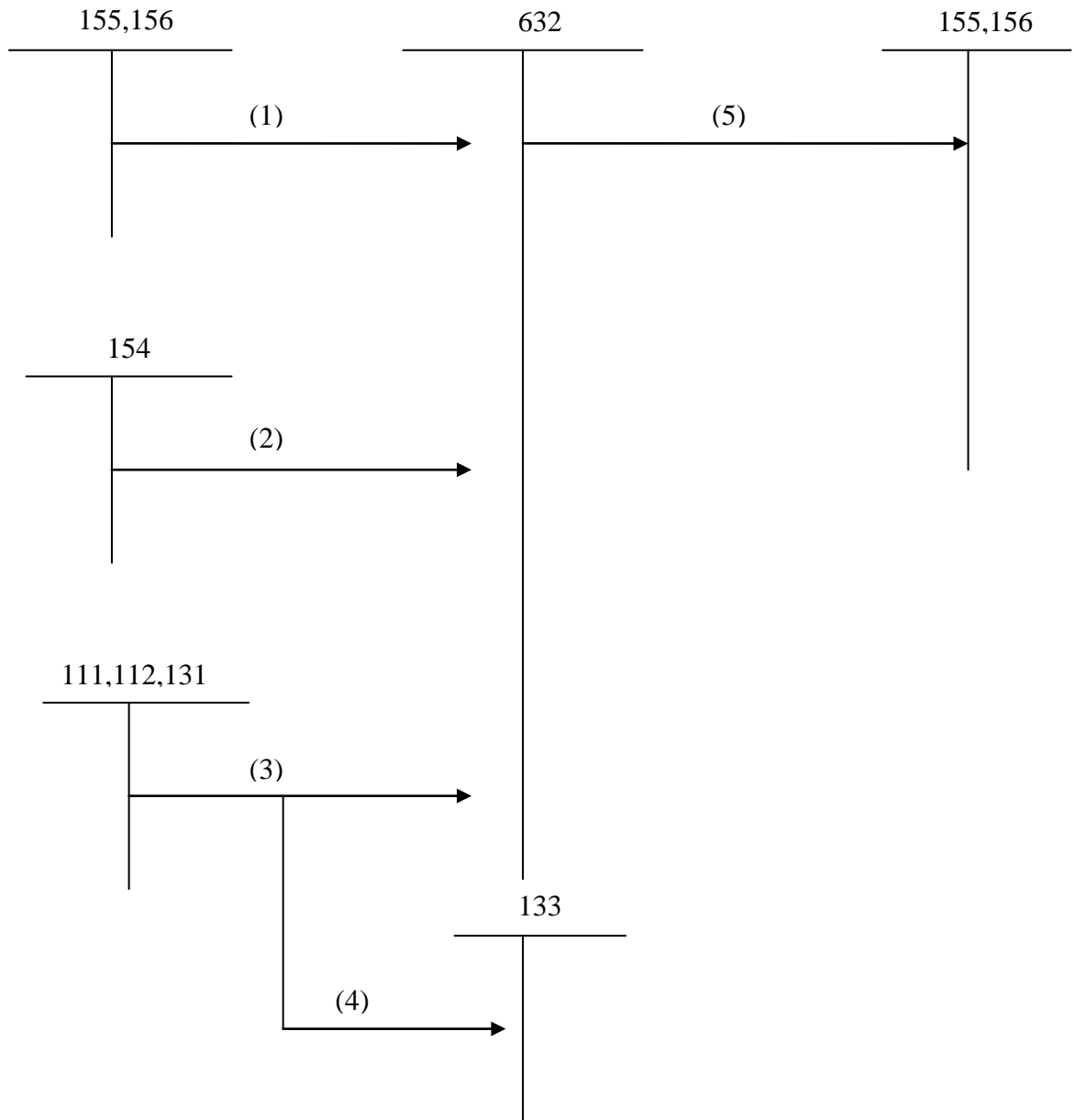
**- Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức giao hàng trực tiếp**

Theo phương thức này bên mua căn cứ vào hợp đồng đã ký kết ủy nhiệm của đơn vị trực tiếp đến nhận hàng tại kho đơn vị bán hoặc giao nhận hàng tay ba (hàng bán thẳng) tại địa điểm ghi nhận trong hợp đồng. Sau khi giao hàng xong người nhận ký xác nhận về số hàng đã giao nhận khi đó hàng mới xác định là tiêu thụ.

Quá trình hạch toán của giá vốn hàng bán theo phương thức giao hàng trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:

- (1) Xuất kho thành phẩm, hàng hóa bán trực tiếp
- (2) Sản phẩm sản xuất xong chuyên bán ngay hoặc chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi vào giá vốn.
- (3) Mua hàng bán thẳng
- (4) Thuế VAT của hàng mua bán thẳng
- (5) Giá vốn của hàng bị trả lại

**Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán bán hàng theo phương thức giao hàng trực tiếp  
(Phương pháp kê khai thường xuyên)**



### **1.4.4- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **1.4.4.1- Kế toán chi phí bán hàng**

- **Khái niệm**

Chi phí bán hàng là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ. Bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí khấu hao bộ phận bán hàng...

- **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Chứng từ kế toán liên quan

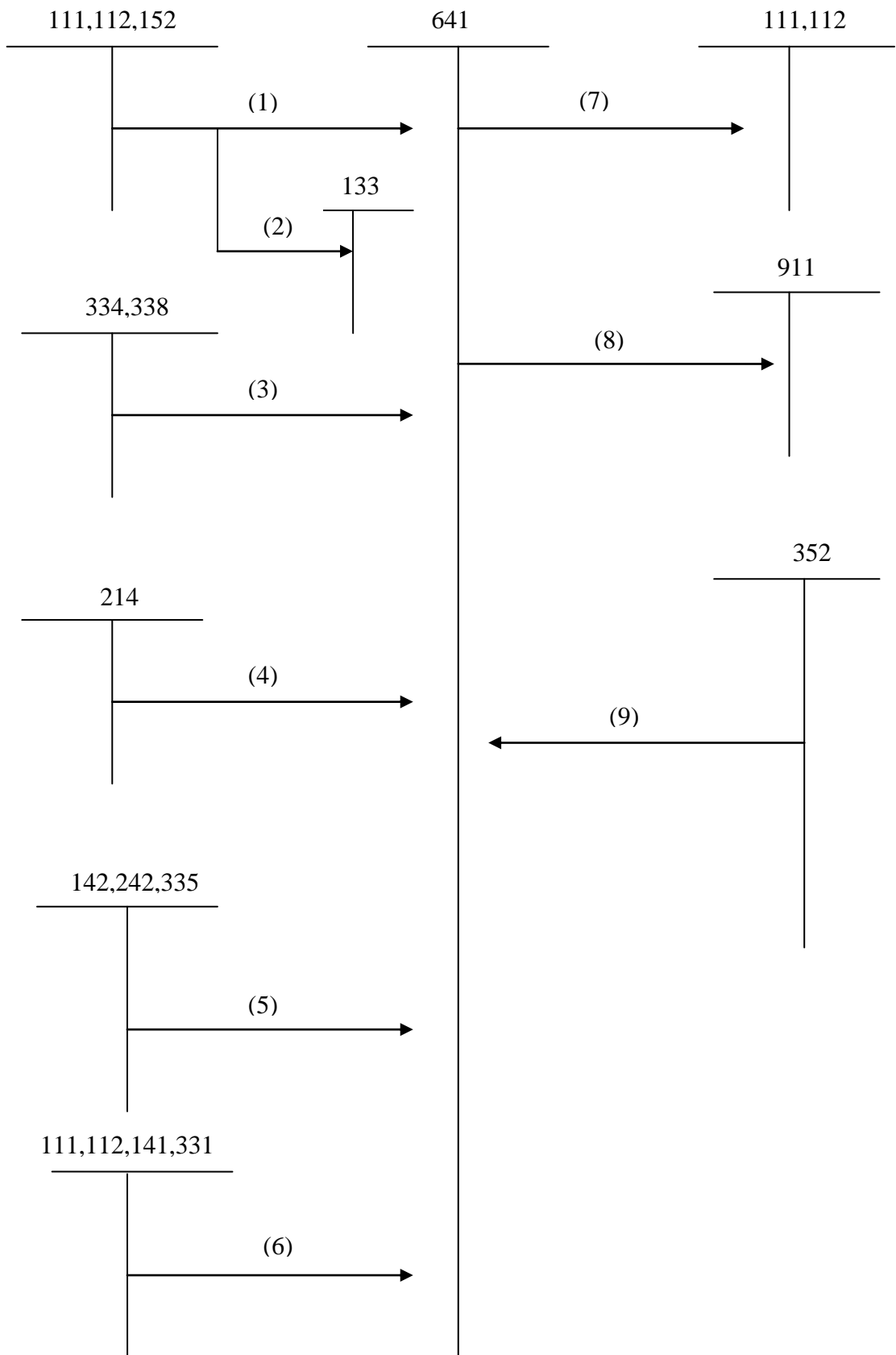
- **Tài khoản sử dụng:** TK 641 " Chi phí bán hàng"

**TK 641 không có số dư cuối kỳ.**

- **Quy trình hạch toán**

- (1) Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (2) Thuế VAT đầu vào của chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (3) Chi phí lương và các khoản trích theo lương.
- (4) Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- (7) Các khoản thu làm giảm chi phí.
- (8) Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng để XĐKQKD.
- (9) Hoàn nhập dự phòng phải trả.

**Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng**





**1.4.4.2- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp****• Khái niệm**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng...

**• Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ kế toán sử dụng

**• Tài khoản sử dụng**

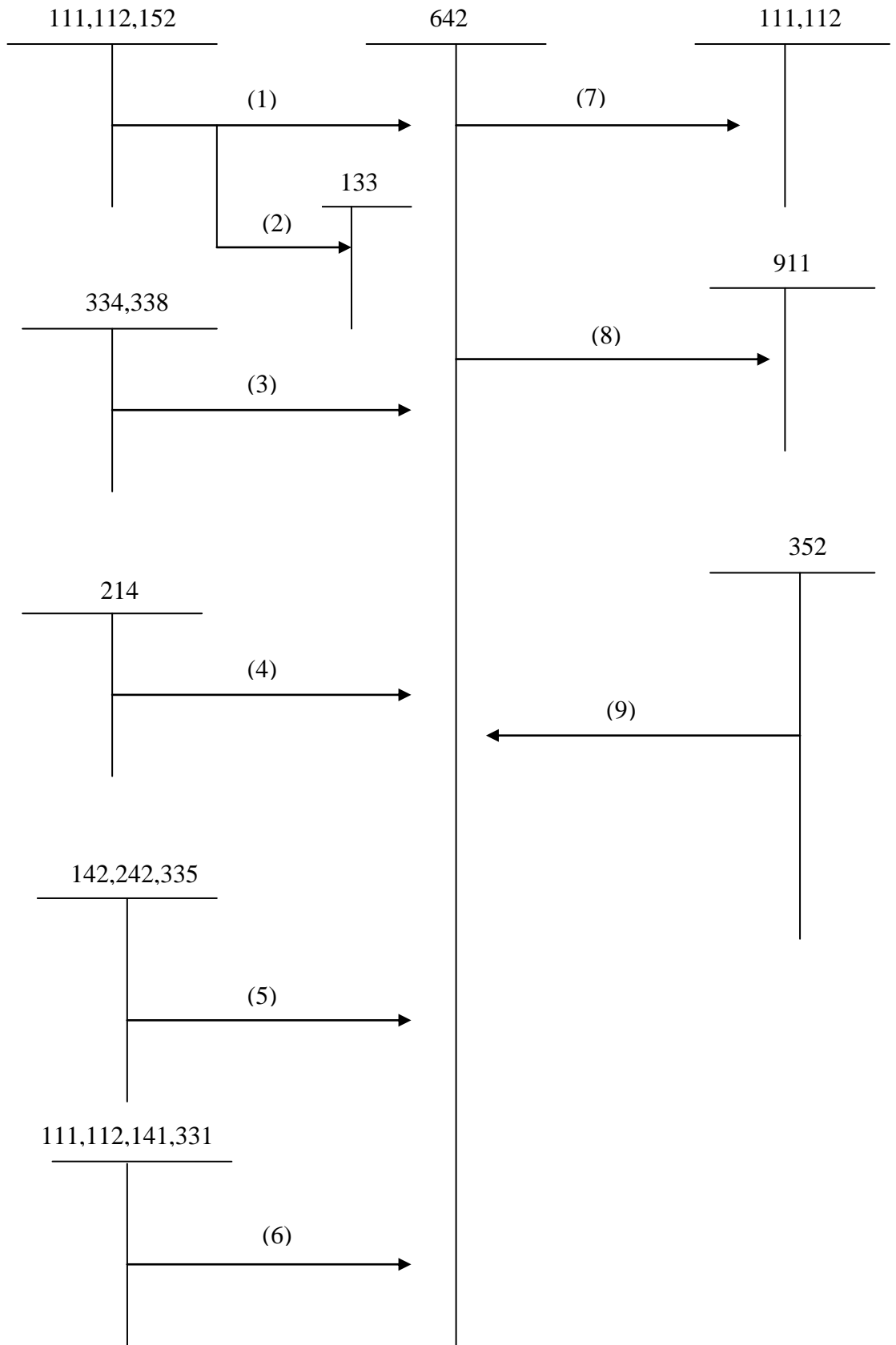
**TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

**TK 642 không có số dư cuối kỳ.**

**• Quy trình hạch toán**

- (1) Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (2) Thuế VAT đầu vào của chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (3) Chi phí lương và các khoản trích theo lương.
- (4) Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- (7) Các khoản thu làm giảm chi phí.
- (8) Cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để XĐKQKD.
- (9) Hoàn nhập dự phòng phải trả

**Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**1.4.5- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.****1.4.5.1- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính****• Tài khoản sử dụng**

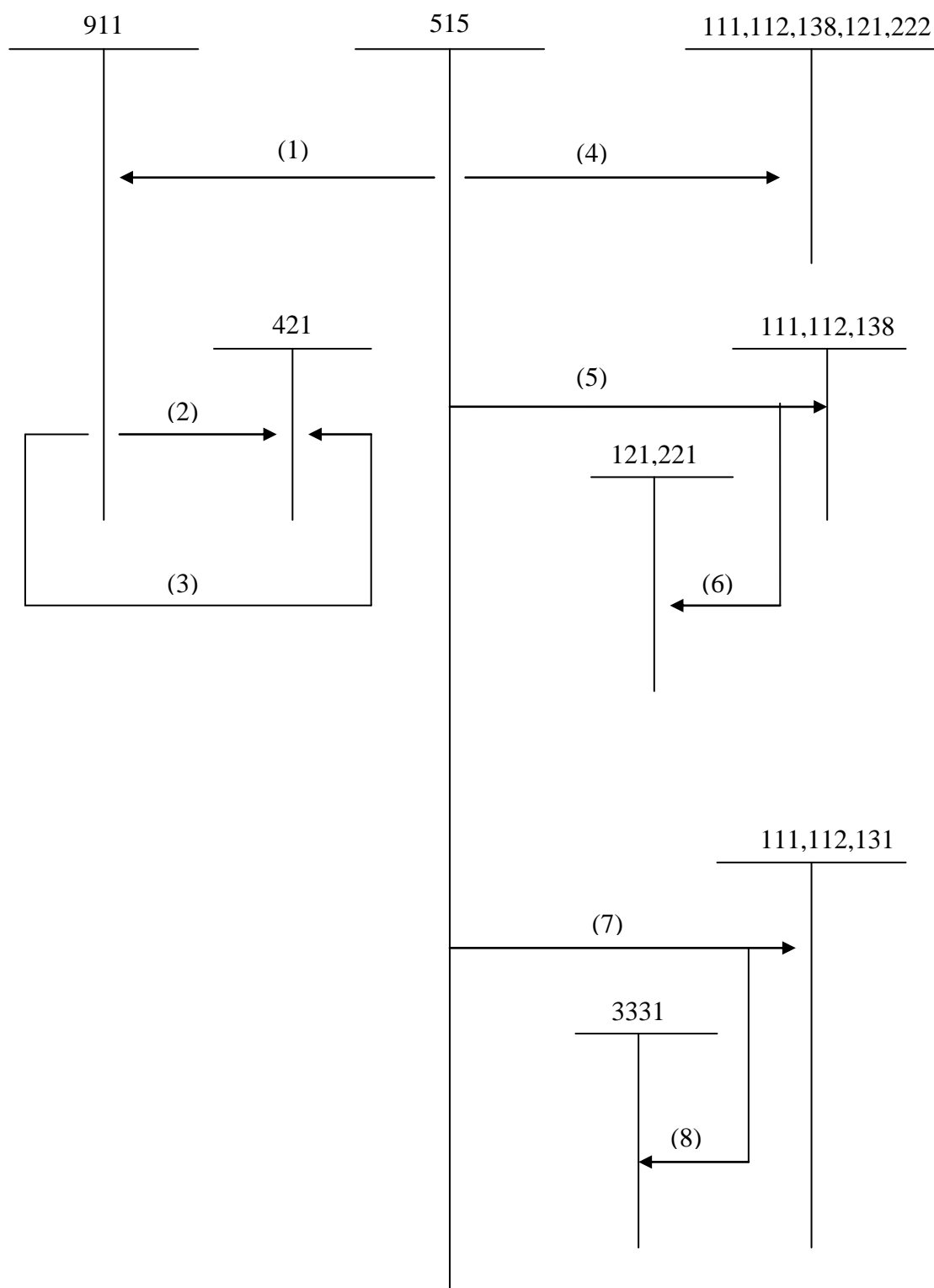
TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK này phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**TK 515 không có số dư****• Quy trình hạch toán**

- (1) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.
- (2) Kết chuyển lỗ.
- (3) Kết chuyển lãi.
- (4) Các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh, định kỳ thu lãi tín phiếu, trái phiếu, cổ tức được hưởng.
- (5) Tiền lãi khi thanh toán chuyển nhượng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- (6) Giá gốc của chứng khoán.
- (7) Thu nhập từ bán ngoại tệ, cho thuê TSCĐ tài chính, bất động sản.
- (8) Thuế VAT của hoạt động (7).

**Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính**



**1.4.5.2- Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.****• Tài khoản sử dụng**

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

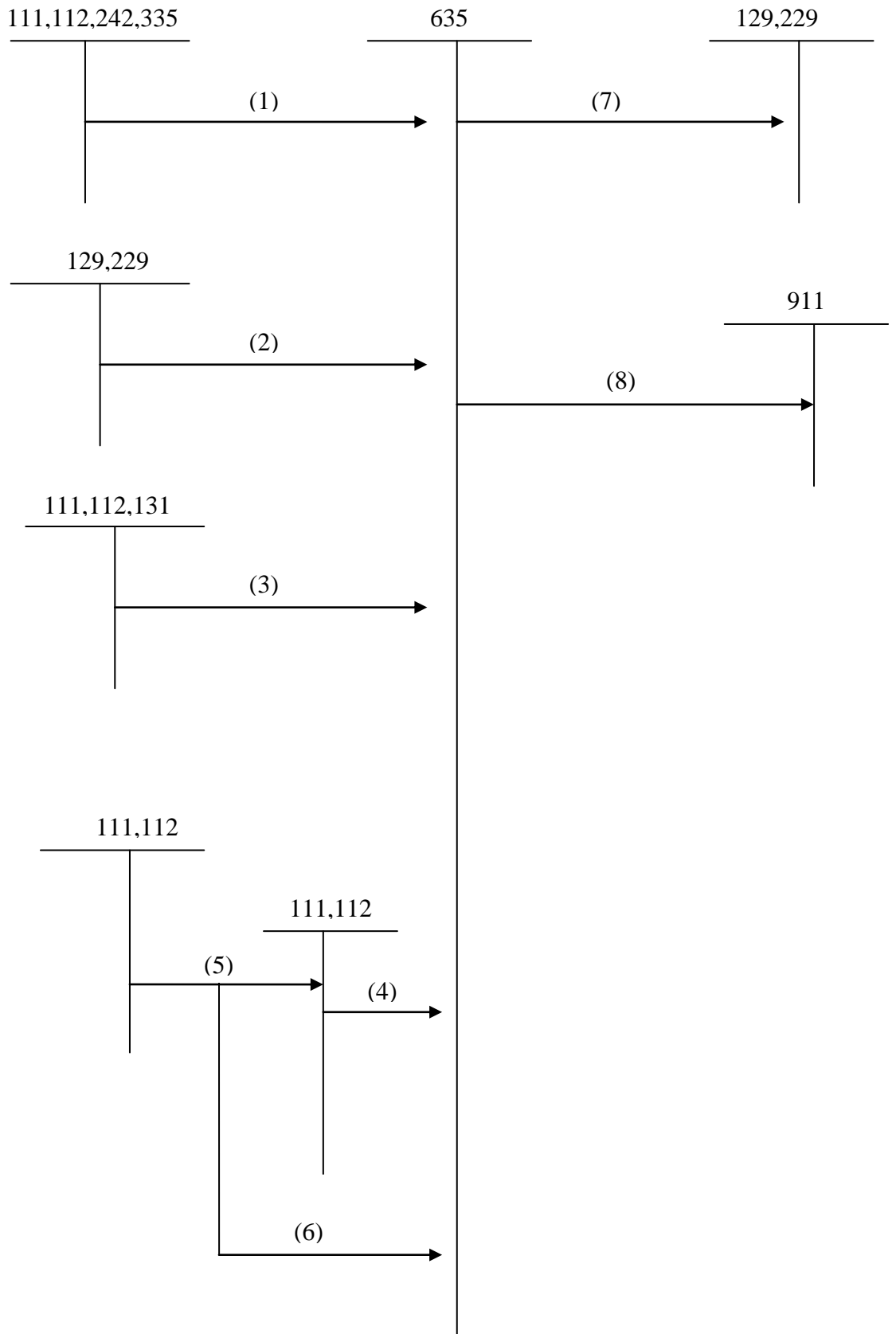
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

**TK 635 không có số dư.**

**• Sơ đồ hạch toán**

- (1) Trả lãi vay, phân bổ lãi mà hàng trả chậm trả góp.
- (2) Dự phòng giảm giá đầu tư.
- (3) Lỗ về các khoản đầu tư.
- (4) Chi phí hoạt động liên doanh liên kết.
- (5) Bán ngoại tệ (giá ghi sổ)
- (6) Lỗ về bán ngoại tệ.
- (7) Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư
- (8) Kết chuyển chi phí tài chính cuối kỳ

**Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính**



**1.4.6. Hạch toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác****1.4.6.1. Hạch toán thu nhập hoạt động khác**

- **Khái niệm**

TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

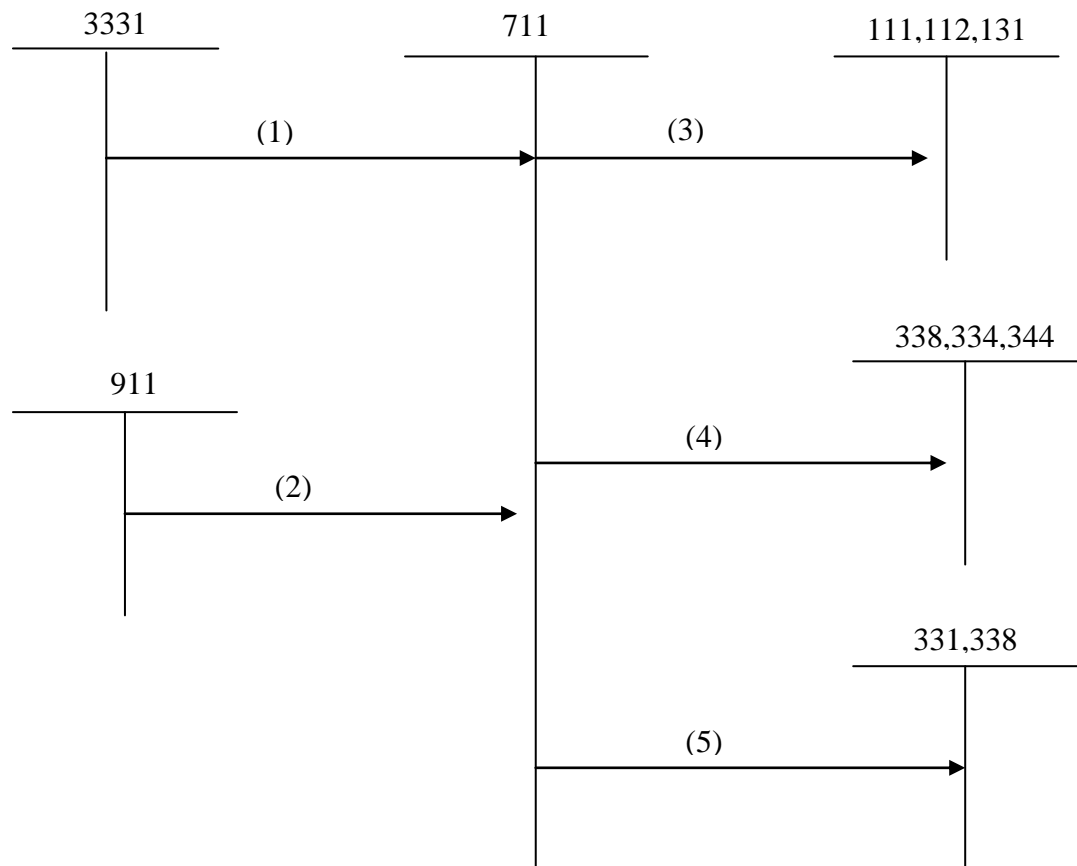
- **Tài khoản sử dụng**

TK 711-" Thu nhập hoạt động khác"

**TK 711-" Thu nhập khác" không có số dư cuối kì.**

- **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



- (1) Thuế VAT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác.
- (2) Kết chuyển thu nhập khác.
- (3) Thu thanh lý TSCĐ, khoản mà khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế.
- (4) Tiền phạt khấu trừ vào lương.
- (5) Các khoản nợ phải trả chủ nợ, khoản chủ nợ không đòi.

#### 1.4.6.2. *Hạch toán chi phí khác phát sinh*

- **Khái niệm**

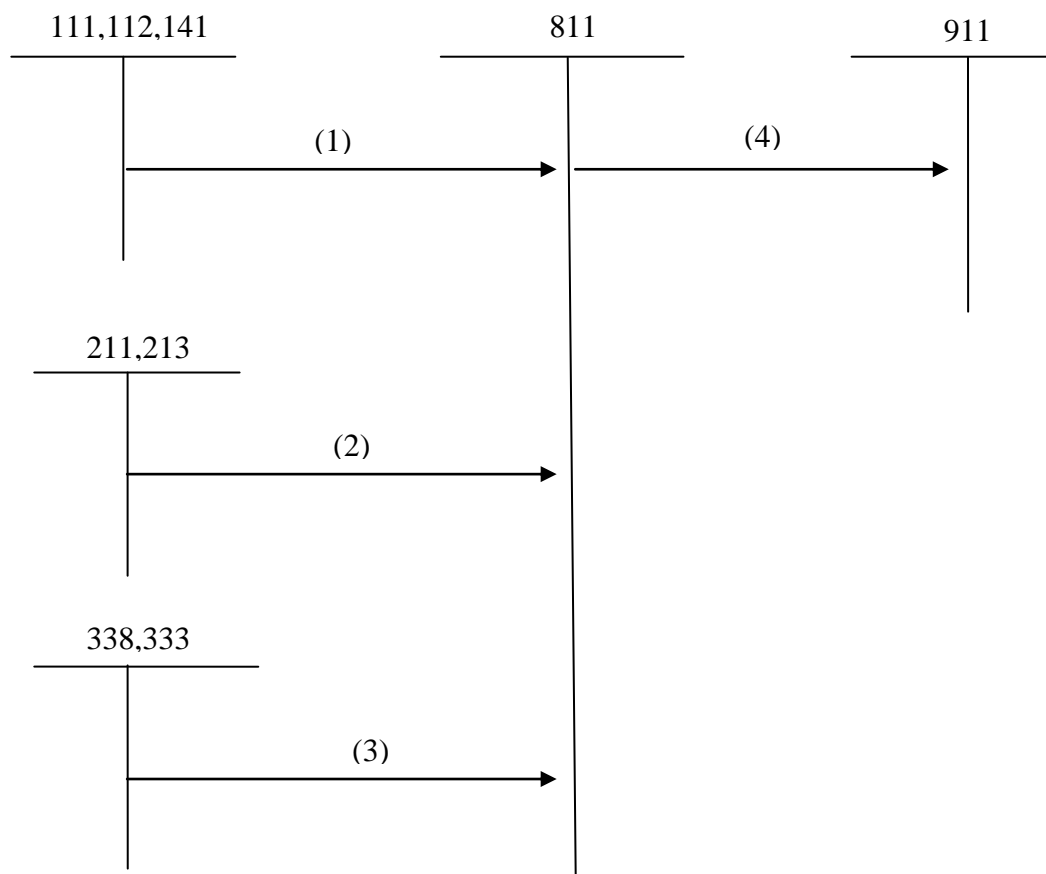
Loại tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí( lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- **Tài khoản sử dụng**

TK 811- "Chi phí khác"

#### **TK 811- Chi phí khác không có số dư**

- **Sơ đồ hạch toán**





- (1) Chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh
- (2) Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- (3) Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác
- (4) Kết chuyển chi phí khác

#### **1.4.7. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

- **Khái niệm**

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **Công thức xác định kết quả kinh doanh:**

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

- **Tài khoản sử dụng:**

#### **TK 911-" Xác định kết quả kinh doanh"**

Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp.

#### **TK 421- "Lợi nhuận chưa phân phối"**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh còn sử dụng các TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 333, TK 414, TK 511, TK 512, TK 641, TK 635...

**TK 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có hai tài khoản cấp 2:

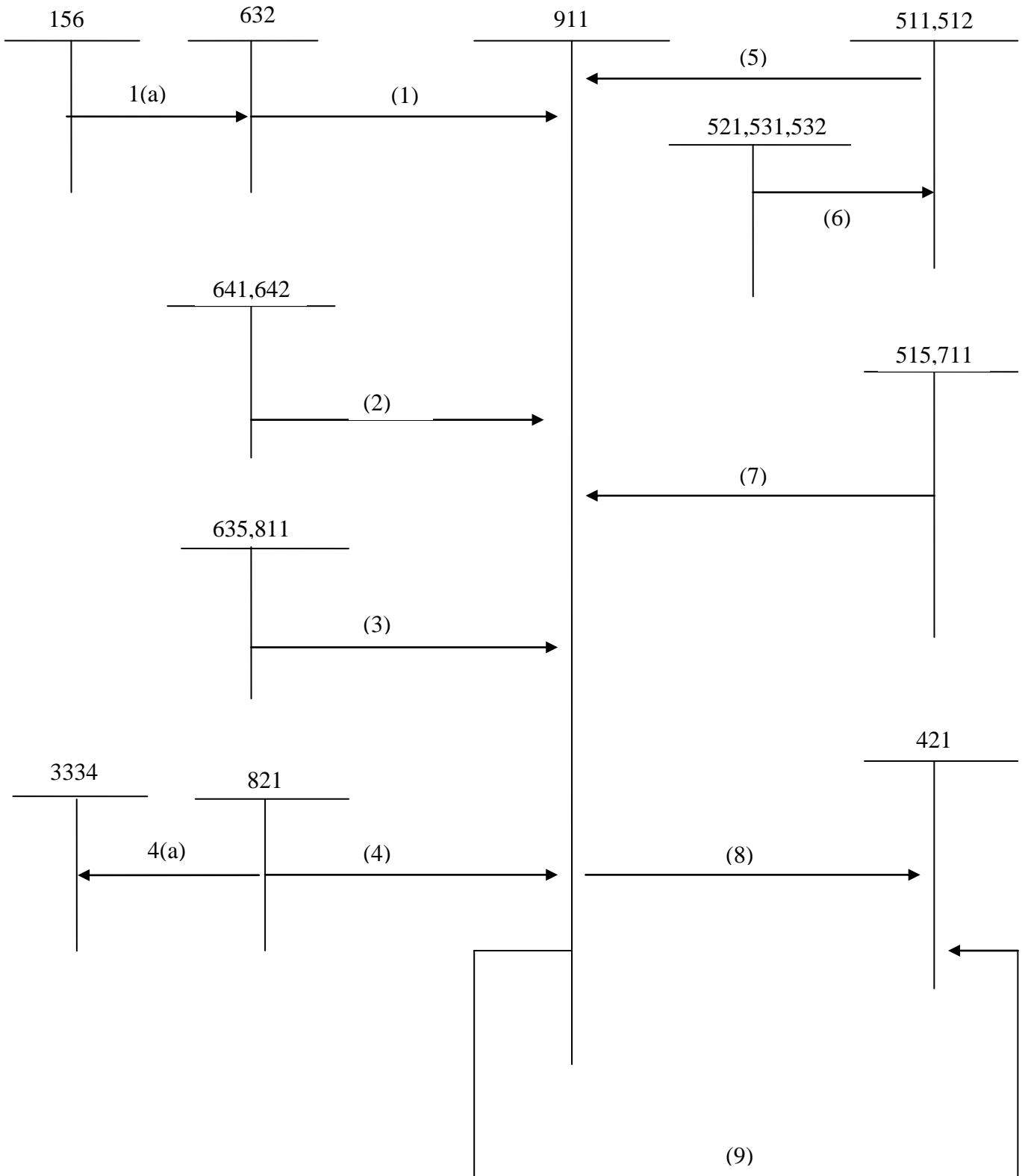
- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

**Quy trình kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau:**

- (1) Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- (1a) Phản ánh giá vốn hàng xuất bán.
- (2) Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (3) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.
- (4) Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (4a) Phản ánh thuế TNDN.
- (5) Kết chuyển doanh thu thuần.
- (6) Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu.
- (7) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.
- (8) Kết chuyển lỗ.

**Sơ đồ 13: Sơ đồ kết quả và phân phối kết quả kinh doanh**



## **1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách để hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.**

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức Nhật ký chứng từ

### **1.5.1. Hình thức Nhật ký chung**

#### **Đặc trưng cơ bản:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo Cáo Tài Chính.

### **1.5.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ**

#### **Đặc trưng cơ bản:**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái..

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng cứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chúng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

### ***1.5.3. Hình thức Nhật ký- Chứng từ.***

#### **Đặc trưng cơ bản:**

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

### ***1.5.4. Hình thức Nhật ký - sổ cái***

#### **Đặc trưng cơ bản:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký-sổ cái là các chứng từ kế toán Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

### ***1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính***

#### **Đặc trưng cơ bản:**

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký- sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chứng từ. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ qui trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo qui định.

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG****2.1. Đặc điểm chung Công ty TNHH thương mại Chi Lăng*****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH thương mại Chi Lăng***

Hoạt động kinh doanh Gas độc lập mới chỉ hình thành từ năm 1999 cùng với sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của đất nước. Trước đó, tức là giai đoạn năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam đều kinh doanh Gas thông qua các xí nghiệp trực thuộc.

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh Gas độc lập, tháng 5 năm 2005, Công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã được thành lập. Công ty được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0202002635 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 25/04/2005. Quá trình xây dựng và phát triển của Công ty đã đạt được những kết quả nhất định, góp một phần nhỏ vào sự phát triển chung của thành phố.

Tên giao dịch: Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Tên viết tắt : CHILANG Co.,ltd

Mã số thuế: 0200625351

Số điện thoại: 0313.538.359

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ - An Trì - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

Vốn điều lệ: 1.500.000.000đ

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là Công ty TNHH hai thành viên, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh lần thứ ba vào ngày 08 tháng 03 năm 2008, tạo điều kiện cho Công ty hoạt động kinh doanh hợp pháp, chấp hành đúng theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

***2.1.2. Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đã đạt được***

- **Thuận lợi:**

- Ngành kinh doanh gas có thị trường tiềm năng lớn, nhu cầu tiêu thụ của người dân ngày một tăng cao. Do đó Công ty gas đã có một mạng lưới phân phối rộng khắp.
- Với cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, Công ty TNHH thương mại Chi Lăng trong những năm qua đã trở thành một doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực cung cấp gas.
- Bên cạnh đó, với nhà lãnh đạo giỏi, đội ngũ kế toán dày dặn kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề đã giúp công ty không ngừng phát triển và khẳng định mình là một doanh nghiệp cung cấp gas lớn mạnh đáp ứng kịp thời nguồn cung cấp LPG cho thị trường. Công ty đã phát triển mô hình bán hàng trực tiếp đến các đại lý thông qua các hệ thống giao hàng trực tiếp của công ty.

- **Khó khăn:**

- Trong thời kỳ hội nhập và mở cửa, cạnh tranh ngày càng lớn Công ty phải có biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- Khó khăn nhất của Công ty trong giai đoạn hiện nay là giá cả nguồn hàng ngày một tăng cao, đối thủ cạnh tranh ngày một nhiều. Do vậy, Công ty thường xuyên tăng cường marketing và có biện pháp sản xuất tốt để khẳng định công ty luôn là một bạn hàng đáng tin cậy.

### ***2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng***

- **Đặc điểm hàng hóa tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng kinh doanh chủ yếu hai mặt hàng là : **khí hoá lỏng LPG và VM Gas.**

Ngoài mặt hàng chính là gas, Công ty được tự kinh doanh và khai thác mặt hàng bếp gas và phụ kiện gas như (van, điều áp, dây kẹp...) trên nguyên tắc kinh doanh có hiệu quả. Căn cứ vào nhu cầu thị trường tại Hải Phòng Công ty tiến hành nhập và mua bếp gas và phụ kiện cần thiết phục vụ gas dân dụng và gas công nghiệp của các nhà cung cấp và tiến hành bán hàng cho các đại lý, khách hàng có

nhu cầu. Công ty được tự quyết định giá bán bếp và phụ kiện trên nguyên tắc đảm bảo vốn kinh doanh và có lãi.

#### **2.1.4. Chức năng, ngành nghề kinh doanh**

Qua hơn 5 năm phát triển và trưởng thành, Công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã và đang khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách để có thể tạo cho mình một chỗ đứng trên thị trường, góp phần tích cực vào công cuộc CNH-HĐH đất nước.

- Chức năng: Công ty TNHH TM Chi Lăng là doanh nghiệp hoạt động theo luật của nhà nước, thực hiện theo các quy định của pháp luật, điều lệ chức của nhà nước. Hoạt động kinh doanh gas là hoạt động chủ yếu của Công ty, là nhà phân phối chính của Công ty TNHH MTV KD khí hóa lỏng Nam Định. Công ty cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với LPG như bình gas, van bình, bồn chứa gas. Doanh thu và lợi nhuận hàng năm không những đảm thu nhập ổn định cho công nhân viên, mà còn đầu tư vào trang thiết bị và mua sắm TSCĐ mới.

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Kinh doanh gas hóa lỏng và thiết bị dùng gas.
- + Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy - bộ.
- + Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

Công ty khẳng định phương châm hành động đúng đắn để công ty tồn tại và phát triển là giữ uy tín bằng chất lượng hàng hóa và giá cả hợp lý. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã cố gắng thực hiện tốt phương châm này.

#### **2.1.5. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý**

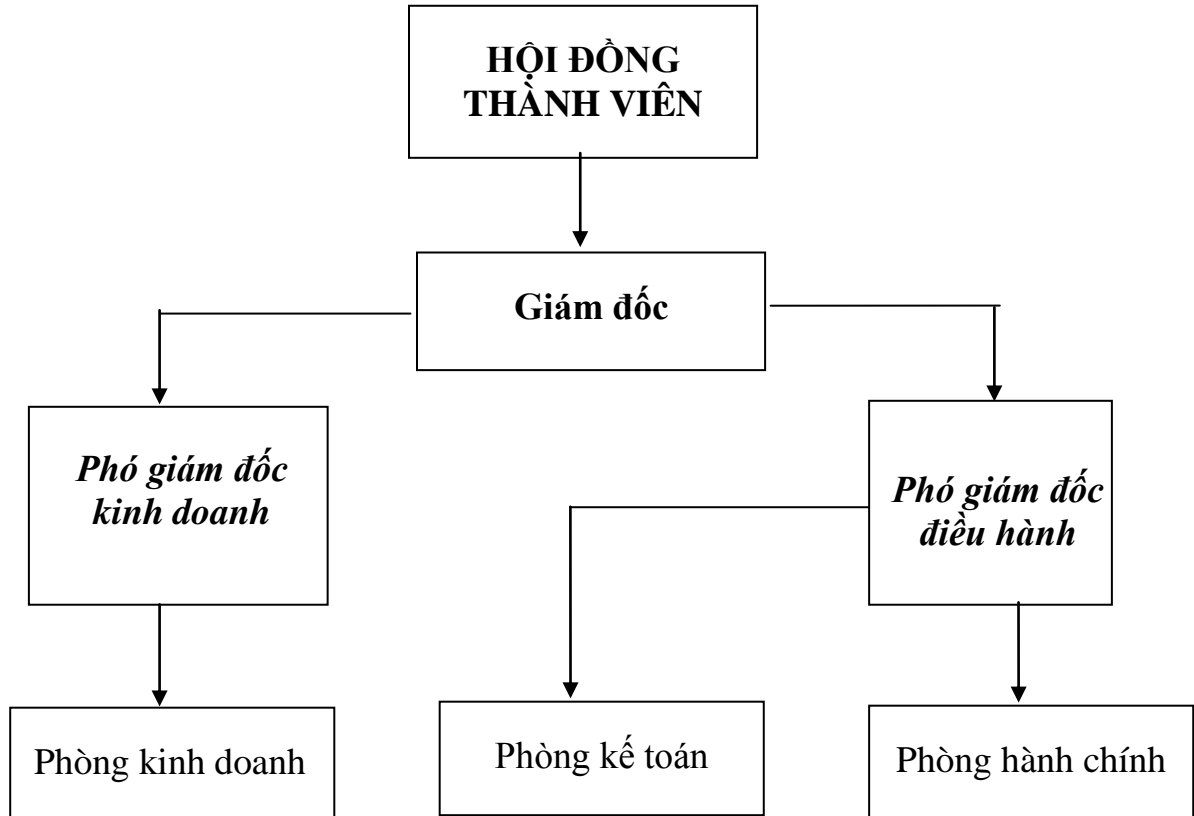
Bất kỳ Công ty nào cũng có bộ máy quản lý dù là đơn giản nhất. Bộ máy quản lý công ty giúp cho từ thủ trưởng đến nhân viên làm việc có quy tắc, tạo phong cách làm việc có trình tự tổ chức nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo hình thức trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban có liên hệ chặt chẽ với nhau và cùng chịu sự quản lý của ban giám đốc bao gồm Giám đốc và 2 phó giám đốc. Cơ cấu tổ chức tương đối gọn nhẹ và hợp lý.



Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng được khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**



- **Hội đồng thành viên** : Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- **Giám đốc** : Là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch, chịu trách nhiệm chung về các mặt hoạt động của toàn Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

- **Phó giám đốc** : Công ty có hai phó giám đốc : Phó giám đốc kinh doanh và Phó giám đốc điều hành.

+ **Phó giám đốc kinh doanh**: Có trách nhiệm quản lý chung phòng kinh doanh, thay mặt Giám đốc thực hiện các hợp đồng, tham mưu cho Giám đốc các chiến lược bán hàng nhằm thu được kết quả cao nhất. Đồng thời Phó giám đốc kinh doanh cũng phải thường xuyên báo cáo cho Giám đốc tình hình kinh doanh

của Công ty để Giám đốc kịp thời đưa ra những biện pháp giải quyết nếu gặp phải khó khăn.

+ **Phó giám đốc điều hành** : Là người giúp việc cho Giám đốc trong việc quản lý chung các phòng ban của Công ty.

- **Phòng kế toán** : Thực hiện nhiệm vụ hạch toán, tham mưu, giúp việc cho Giám đốc để thực hiện nghiêm túc các quy định kế toán – tài chính hiện hành, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch về vốn và tạo vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng kế hoạch đề ra.

- **Phòng kinh doanh** : Có trách nhiệm tư vấn cho khách hàng về chất lượng, giá cả của từng loại Gas, lập chương trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh tế.

- **Phòng hành chính** : Tham mưu cho Giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, chính sách liên quan đến người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.

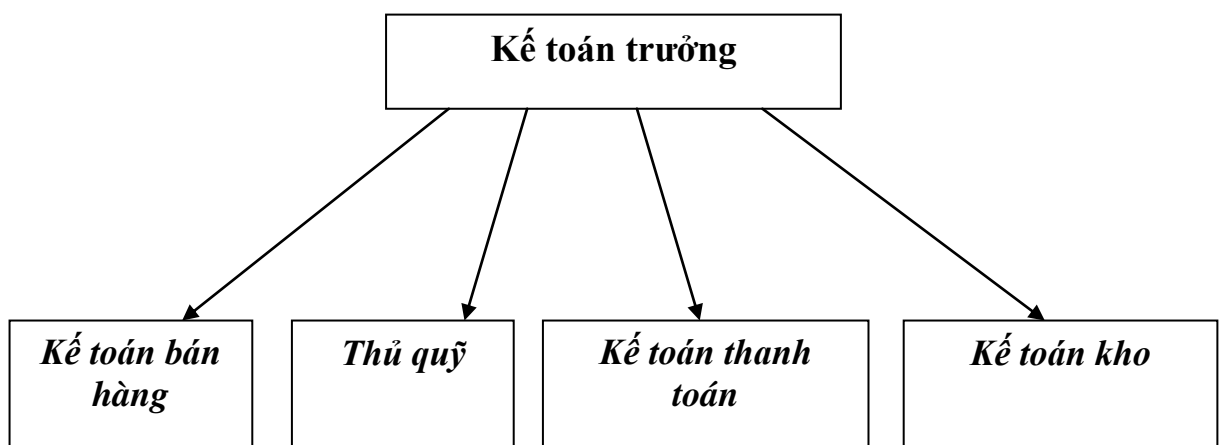
Qua thực tế nhận thấy, mặc dù cơ cấu bộ máy quản lý tương đối đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả làm việc khá cao, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

## ***2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng***

### **2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**

Cũng giống như tổ chức bộ máy quản lý, cơ cấu kế toán của Công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ. Bộ máy kế toán gồm 5 người, mỗi người có một chức năng, nhiệm vụ khác nhau được tổ chức theo sơ đồ sau :

## Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng



- **Kế toán trưởng** : Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ; tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất. Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính toán kết quả kinh doanh.

- **Thủ quỹ** : Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt, quản lý quỹ của Công ty.

- **Kế toán kho** : Phản ánh đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình biến động về giá cả hàng hoá, tính toán chính xác giá của từng loại mặt hàng nhập, xuất, tồn kho, đảm bảo cung cấp kịp thời thông tin cho yêu cầu quản lý hàng hoá của Công ty.

- **Kế toán thanh toán** : Là người chịu trách nhiệm trong việc theo dõi các khoản nợ của Công ty cũng như các khoản nợ của khách hàng với Công ty. Theo dõi chi tiết từng khoản nợ với từng khách hàng và nhà cung cấp.

- **Kế toán bán hàng** : Thực hiện nhiệm vụ liên lạc với khách hàng nhằm tìm kiếm đơn đặt hàng và phụ trách bán hàng tại gian trưng bày.

### 2.2.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng Tài chính- kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Chi Lăng được thực hiện phần lớn trên máy vi tính nhưng không áp dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên các bảng Word và Exel.

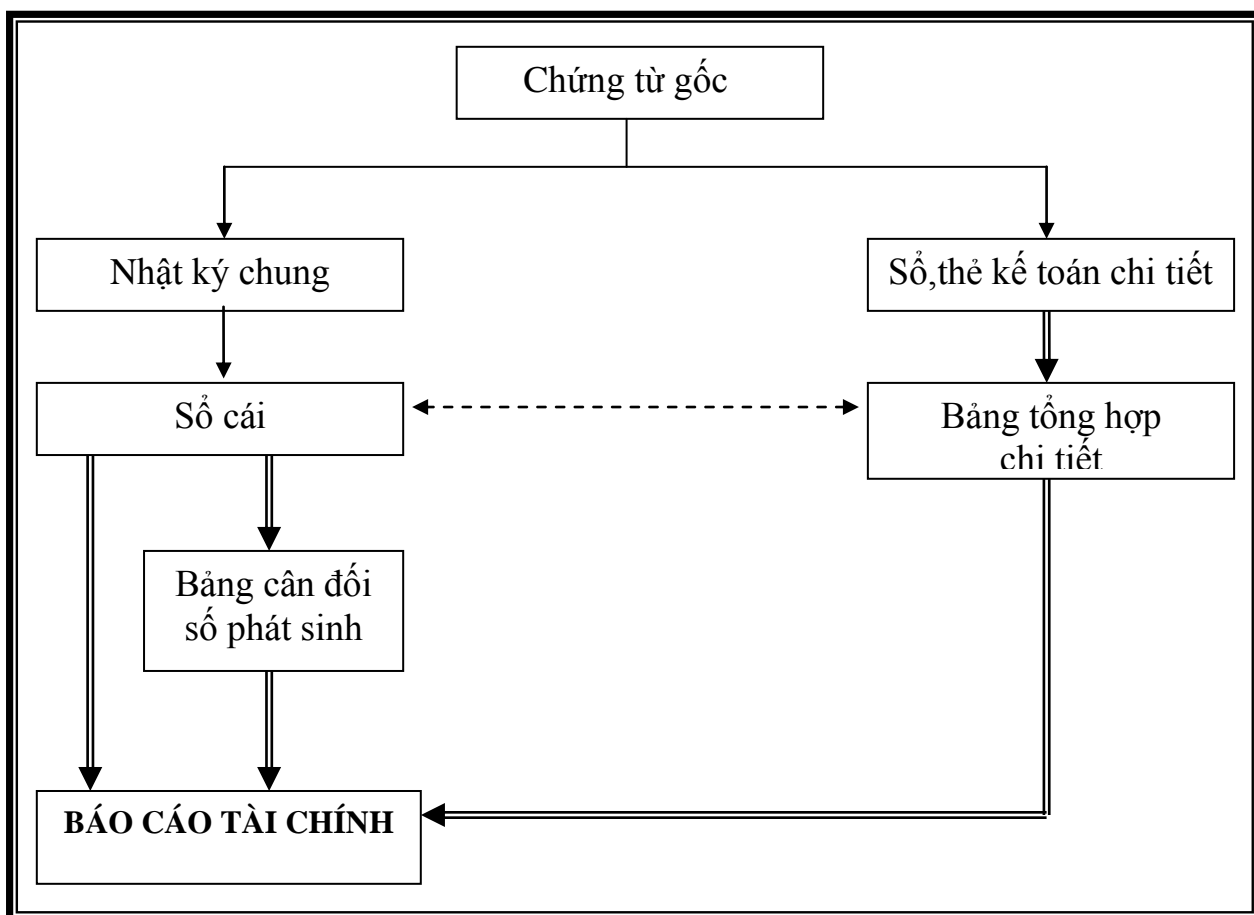
Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, Công ty đã áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo Cáo Tài Chính.

#### **Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng tổng hợp chi tiết
- Bảng cân đối số phát sinh.

## Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



### Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)  $\Longrightarrow$
- Kiểm tra, đối chiếu  $\longleftrightarrow$

### 2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là một Công ty thương mại cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh

của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính, phục vụ cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

### **2.3.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**

Trong hoạt động tiêu thụ hàng hóa ở Công ty ngoài việc tìm kiếm được khách hàng còn phải chọn được phương thức bán hàng hợp lý. Công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là: Bán buôn và bán lẻ.

\* Bán buôn: Là hình thức bán hàng chủ yếu của Công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hóa tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, Công ty lớn hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và các đại lý phân phối bản lẻ của Công ty.

\* Bán lẻ: Là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Phương thức này chiếm tỷ trọng không lớn trong khối lượng hàng hóa bán ra. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua gas bình và các phụ kiện như van gas, bếp gas, điều áp với quy mô nhỏ... nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu của họ. Bán lẻ thường với số lượng ít và người mua phải thanh toán ngay toàn bộ giá trị hàng hóa vừa mua.

Nhìn chung, doanh thu của Công ty có hai nguồn: doanh thu từ tiêu thụ hàng hóa và doanh thu từ cung cấp dịch vụ nhưng chủ yếu là từ việc tiêu thụ hàng hoá được thể hiện trên TK 511.

Để tạo điều kiện cho khách hàng Công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc bằng tiền gửi ngân hàng ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

### **2.3.2. Thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.**

#### **2.3.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Chứng từ, sổ sách sử dụng để hạch toán quá trình tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh:

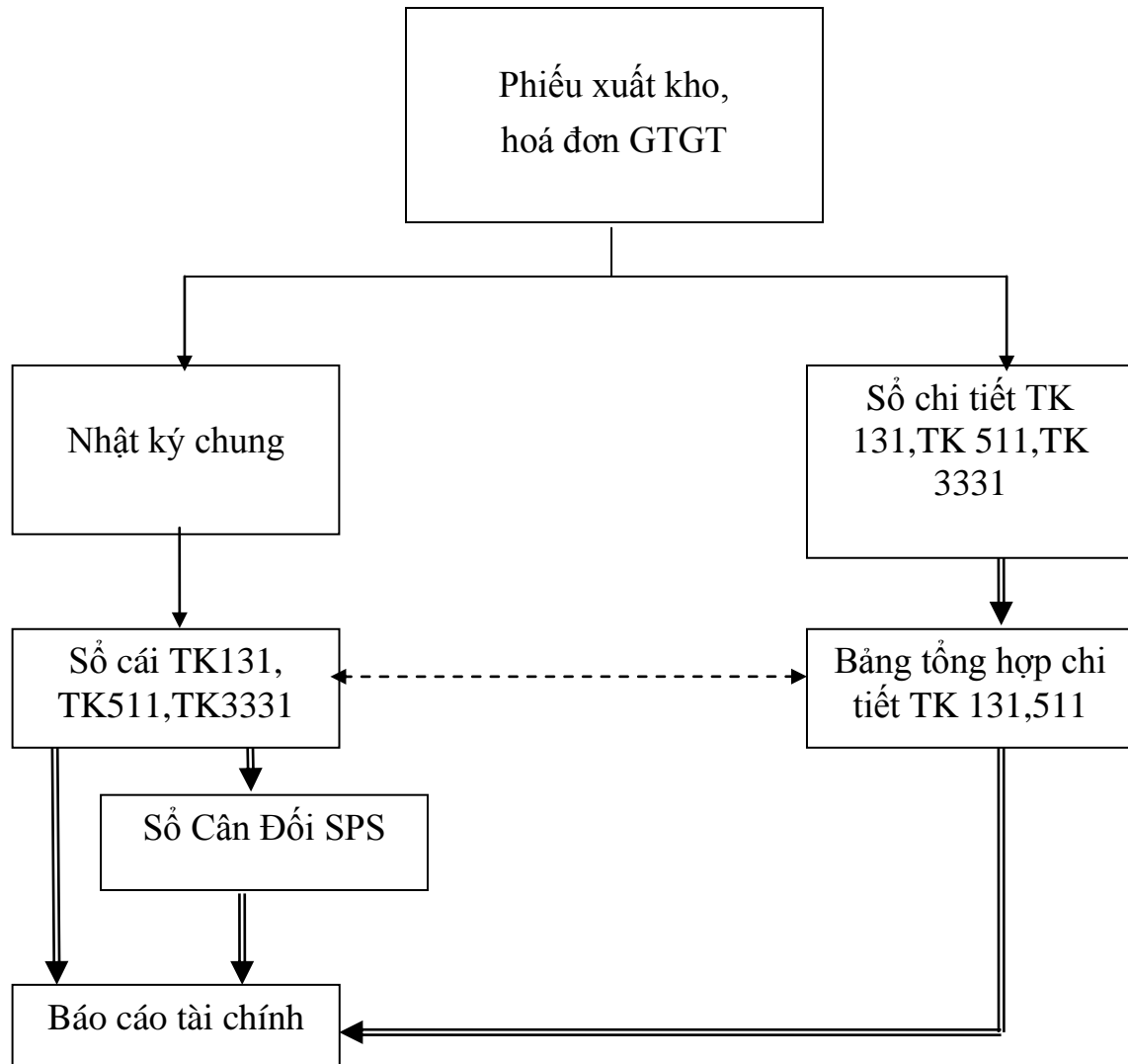
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu
- Sổ chi tiết tài khoản 131, TK 511,..
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 131, 511, 515...

*Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty như sau:*

Căn cứ vào biên bản kí kết hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hoá, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hoá cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hoá có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán tiêu thụ sẽ lập hoá đơn GTGT về bán hàng hoá.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu nội bộ
- + Liên 2: Giao cho khách hàng
- + Liên 3: Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

*Quy trình luân chuyển chứng từ trong hạch toán doanh thu :*Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kì  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu hoặc kiểm tra  $\leftarrow \text{----} \rightarrow$



**\* Ví dụ 1:**

Ngày 6/12/2009 Cty TNHH thương mại Chi Lăng bán 72 Kg KHL LPG-L12 cho công ty TNHH Kim Khí Tuấn Minh, đơn giá 12.121,21đ/kg, VAT 10%. Công ty TNHH Kim Khí Tuấn Minh chưa thanh toán.

➔ Kế toán tiến hành ghi hóa đơn giá trị gia tăng 0072553 (Biểu 1) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng. Căn cứ vào hóa đơn này kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 960.000đ

Có TK 511: 872.727đ

Có TK 3331: 87.273đ

Đồng thời phản ánh giá vốn hàng xuất bán:

Nợ TK 632 : 868.464đ

Có TK 156: 868. 464đ

**Biểu số 1:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 – GTKT – 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			CM/2009B		
Liên 3: L- u nội bộ			0072553		
Ngày 06 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH TM Chi Lăng Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ- An Trì- HV- HB- HP Số tài khoản : .....					
Điện thoại : 0313 .538.359 ...MST: <b>0200625351</b>					
Họ tên ng- ời mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Kim Khí Tuấn Minh					
Địa chỉ: Khu II thị trấn An Dương- An Dương- HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM/CK.....MS: 0200685350					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Khí hóa lỏng LPG-L12	kg	72	12.121,12	872.727
	Cộng tiền hàng				872.727
	Thuế suất GTGT		10%		87.273
	Tổng cộng tiền thanh toán				960.000
Số tiền viết bằng chữ : Chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./.					
Ng- ời mua hàng		Ng- ời bán hàng		Thủ tr- ợng đơn vị	
Bán hàng qua ĐT		Nguyễn Huyền Trang		GD NG. Trọng Hoạt	

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ để ghi sổ. Trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

➔ Căn cứ vào HĐ GTGT số 0072553 kê toán tiến hành vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2):

**Biểu số 2:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12- Năm 2009

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			....					.....	.....
6/12	HĐ 0072553	6/12	Bán KHL LPG-L12 cho cty TNHH kim khí Tuấn Minh	v	1123	131		960.000	
				v	1124		511		872.727
				v	1125		3331		87.273
			Giá vốn hàng bán	v	1126	632		868.464	
				v	1127		156		868.464
			....					.....	.....
31/12		31/12	KC GV sang TK 911	v	1210	911		3.081.326.452	
				v	1211		632		3.081.326.452
			....					...	....
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>20.159.450.699</b>	<b>20.159.450.699</b>

➔ Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiền hành vào sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3): sổ này mở theo từng SP, HH, BĐS Đầu tư được khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán.

**Biểu số 3:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tên SP ( Hàng hóa, dịch vụ, BĐS đầu tư): KHL LPG L12**

Tháng 12 – Năm 2009

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
1/12	0060261	1/12	Nhà hàng Phượng Vĩ	131	82	12.121,12	993.932		
2/12	0060261	2/12	Cty TNHH Nhất Ly	111	142	12.121,12	1.721.199		
..	.....		.....	....	....	....	....		
6/12	0072553	6/12	Cty TNHH kim khí Tuấn Minh	131	72	12.121,12	872.727		
...	...	...	.....	...	...	...	...		
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>137.016</b>		<b>1.652.718.778</b>		

Sau đó kê toán vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu số 4): Sổ này để theo dõi việc thanh toán với người mua (người bán) theo từng đối tượng, từng thời hạn thanh toán.

**Biểu số 4:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA****TK: 131**

Đối tượng: Công ty TNHH kim khí Tuấn Minh

Tháng 12 – Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					<b><u>49.916.000</u></b>	
			.....			.....	.....	.....	.....
3/12	010	3/12	KHL LPG L45	5111		1.000.000		69.902.000	
				3331		1.00.000		70.002.000	
4/12	020	4/12	Thanh toán hàng	1121			50.000.000		20.002.000
			.....	...		.....		....	
<b>6/12</b>	<b>030</b>	<b>6/12</b>	<b>KHL LPG L12</b>	<b>5111</b>		<b>872.727</b>		<b>30.874.727</b>	
				<b>3331</b>		<b>87.273</b>		<b>30.962.000</b>	
			.....	....		.....	....	...	....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>202.770.000</b>	<b>135.500.000</b>		
			<b><u>SDCK</u></b>					<b><u>117.186.000</u></b>	

➔ Tiếp theo kế toán vào sổ cái TK 511 (Biểu 5) và sổ cái TK 131 (Biểu 6): Sổ này dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong niên độ kế toán. Mỗi TK được mở một hoặc một số trang liên tiếp trên sổ cái.

**Biểu số 5:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng  
Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Tháng 12- Năm 2009

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
06/12	72553	6/12	Bán hàng chưa thu tiền		1124	131		872.727
			.....				...	....
31/12		31/12	KC doanh thu		1206	911	3.434.792.000	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>3.434.792.000</b>	<b>3.434.792.000</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

**Biểu số 6:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Tháng 12- Năm 2009

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>				<b><u>1.767.410.943</u></b>	
6/12	72553	6/12	Bán hàng chưa thu tiền		1124	511	872.727	
					1125	3331	87.273	
			.....				.....	.....
31/12	72578	31/12	Bán hàng chưa thu tiền		1127	511	1.000.000	
					1128	3331	100.000	
			....				.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>1.299.264.649</b>	<b>2.067.392.512</b>
			<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>999.283.080</u></b>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

➔ Cuối tháng kế toán vào sổ tổng hợp doanh thu bán hàng (Biểu 7) đồng thời tiến hành đối chiếu sổ tổng hợp doanh thu với sổ cái TK 511. Từ đó làm căn cứ để lập các phiếu kế toán kết chuyển sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh và lập bảng cân đối SPS, BCTC.

**Biểu số 7:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng  
Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ TỔNG HỢP DOANH THU**

**Tháng 12- Năm 2009**

STT	Tên hàng hóa	Số phát sinh	
		Nợ	Có
<b>1</b>	<b>KHL LPG-L12</b>		<b>1.652.718.778</b>
2	KHL LPG-L45		378.820.112
3	VM Gas L12		755.896.917
4	Bình Mex 12kg		14.011.200
	.....		.....
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.434.792.000</b>



### 2.3.2.2. Hạch toán giá vốn hàng bán

- **Phương thức hạch toán giá vốn:**

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị hàng} & & \text{Giá trị hàng} & & \text{Giá trị hàng} & & \text{Giá trị hàng} \\ \text{xuất kho} & & \text{hóa tồn đầu} & & \text{hóa nhập} & & \text{hóa tồn kho} \\ \text{trong kỳ} & = & \text{kỳ} & + & \text{kho trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Do những đặc điểm hàng hóa kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã trình bày ở phần trên, công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính trị giá thực tế hàng xuất kho. Cũng do công ty bán hàng theo giá thị trường mà giá thị trường thì luôn có xu hướng tăng, nên trong kỳ khi xuất kho kế toán chỉ theo dõi sự biến động về lượng của hàng hóa. Cuối tháng, kế toán sẽ tập hợp lượng nhập, xuất; giá trị hàng nhập kho trong tháng để tính giá vốn hàng xuất bán.

Trị giá thực tế hàng xuất kho được tính như sau:

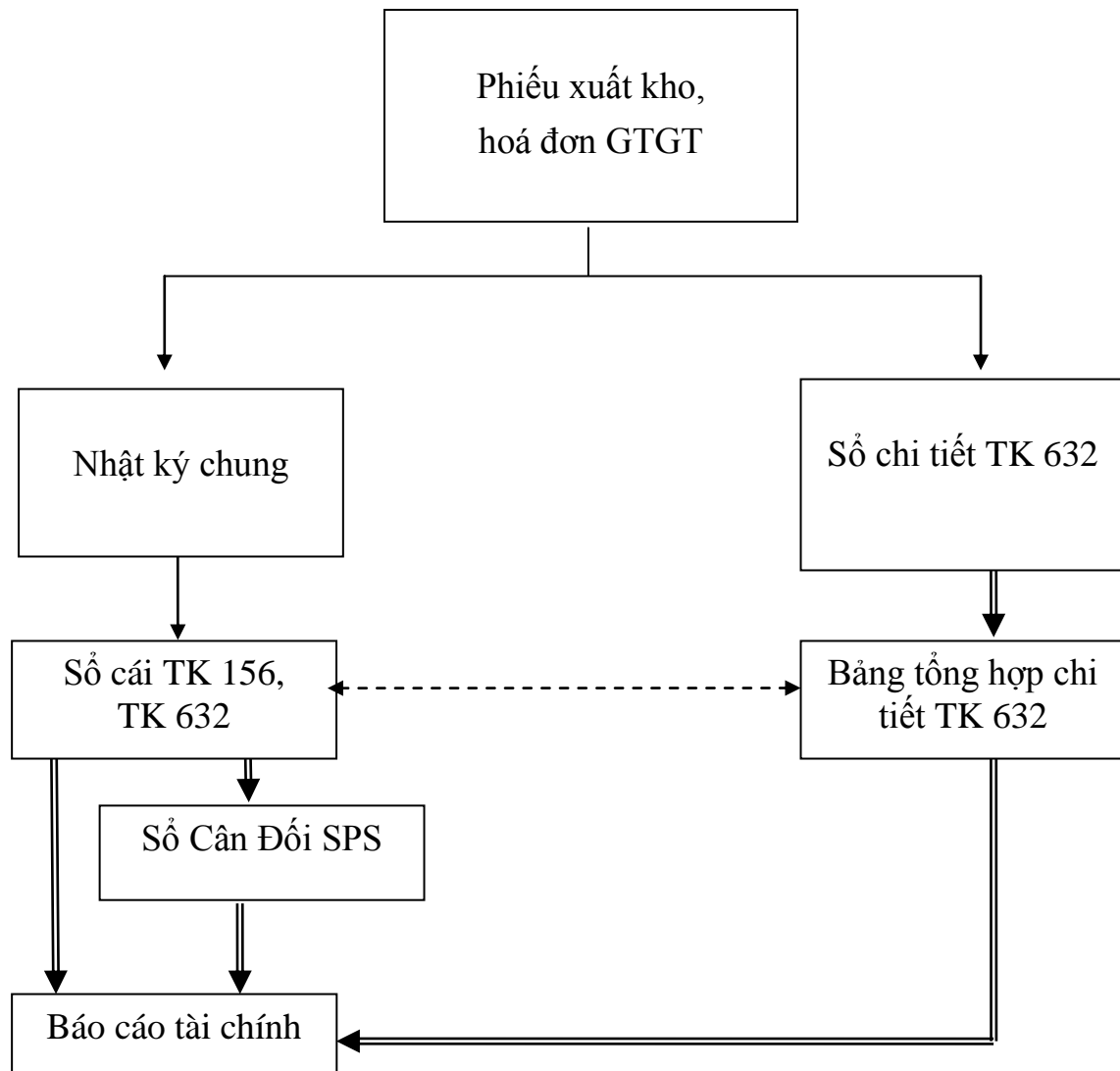
$$\text{Trị giá hàng hóa xuất kho} = \text{SL hàng hóa xuất kho} * \text{Giá mua ĐVBQ}$$

Trong đó trị giá bình quân của hàng hóa nhập kho trong kỳ được tính như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá ĐV thực} & & \text{Giá của hàng hóa} \\ \text{tế BQ cả kỳ} & = & \text{Tồn đầu kỳ} \\ & & + \\ & & \text{Trị giá thực tế của} \\ & & \text{hàng hóa nhập trong kỳ} \\ & & \text{SL của hàng hóa} \\ & & \text{Tồn đầu kỳ} \\ & & + \\ & & \text{SL hàng hóa nhập} \\ & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

- **Trình tự luân chuyển chứng từ**

## Sơ đồ luân chuyển chứng từ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kì  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu hoặc kiểm tra  $\leftarrow\text{---}\text{---}\longrightarrow$

\* **Ví dụ 2 :**

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0072553 (Biểu 1) ở ví dụ 1 phần doanh thu bán hàng phát sinh ngày 06/12/2009 và phiếu xuất kho số 268 (Biểu 8)

- Cách tính giá xuất kho KHL LPG L12 theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ căn cứ vào số chi tiết KHL LPG L12

Tồn đầu kỳ là 103.257kg với giá trị là 1.230.768.577đ

Các nghiệp vụ nhập trong kỳ:

Ngày 1/12/2009 Nhập với số lượng là 61.896 kg với đơn giá là 12.198,18.

Ngày 5/12/2009 Nhập với số lượng là 10.117kg với đơn giá là 12.198,18.

$$\begin{array}{l} \text{Giá ĐV} = \frac{1.230.768.577 + (61.896 * 12.198,18 + 10.117 * 12.198,18 + \dots)}{103.257 + (61.896 + 10.117 + \dots)} = 12.062 \text{ đ/kg} \\ \text{BQ GQ} \end{array}$$

**Biểu số 8:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng  
Số 381 đường 5 cũ HV-HB-HP

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 06 tháng 12 năm 2009*

Số chứng từ: 268

TK Nợ: 632

TK Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Anh Hoà

Địa chỉ: Cty TNHH kim khí Tuấn Minh

Diễn giải: Bán hàng

Xuất tại kho: Kho công ty TNHH TM Chi  
Lăng

STT	Tên vật tư( hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	KHL LPG-L12		Kg	72	12.121,12	872.727
	Tổng tiền					872.727

➔ Kế toán tiền hành lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu số 9)

**Biểu số 9:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381 đường 5 cũ HV-HB-HP

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN**

TK 6321: KHL LPG- L12

Tên hàng hóa: KHL LPG- L12

Tháng 12- Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U	Giá vốn			
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		.....	....	.....	.....	.....	.....
0072553	6/12/09	Xuất bán KHL LPG-L12 cho Cty TNHH kim khí Tuấn Minh	156	72	12.062	868.464	
0084567	13/12/09	Xuất bán KHL LPG-L12 cho Cty CP Đại Việt	156	380	12.062	4.583.560	
0085567	15/12/09	Xuất bán KHL LPG-L12 cho Đại lý gas Trung Trang	156	1456	12.062	17.562.272	
		.....		.....		.....	
	<b>31/12/09</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>137.016</b>		<b>1.652.718.778</b>	

➔ Sau đó kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 10)

**Biểu số 10:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12- Năm 2009

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			....					.....	.....
6/12	72553	6/12	Bán KHL LPG-L12 cho cty TNHH kim khí Tuấn Minh	v	1123	131		960.000	
				v	1124		511		872.727
				v	1125		3331		87.273
	268		Giá vốn hàng bán	v	1126	632		868.464	
				v	1127		156		868.464
12/12		12/12	Chi phí sửa xe	v	1160	642		8.000.000	
				v	1161	133		400.000	
				v	1162		111		8.400.000
			....					.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>20.159.450.699</b>	<b>20.159.450.699</b>

➔ Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 632 (Biểu số 11):

**Biểu số 11:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Tháng 12- Năm 2009

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
6/12	268	6/12	Bán hàng chưa thu tiền		1126	156	868.464	
			.....		.....		.....	....
31/12		31/12	Kết chuyển sang TK 911		1211	911		3.081.326.452
			Cộng phát sinh				3.081.326.452	3.081.326.452
			<b><u>SDCK</u></b>					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng





➔ Cuối tháng từ sổ chi tiết giá vốn (Biểu số 9) kế toán vào sổ tổng hợp giá vốn (Biểu số 12) đồng thời đối chiếu với sổ cái TK 632. Từ đó kế toán vào sổ CD SPS rồi lập BCTC

**Biểu số 12:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN**

Tháng 12- Năm 2009

STT	Tên hàng hóa	Số phát sinh	
		Nợ	Có
<b>1</b>	<b>KHL LPG-L12</b>	<b>1.652.718.778</b>	
2	KHL LPG-L45	378.820.112	
3	Bình Mex 12kg	14.011.200	
4	Bình Mex 13kg	11.492.000	
....	.....	.....	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.081.326.452</b>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

### 2.3.2.3. *Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tại công ty TNHH TM Chi Lăng kế toán không hạch toán TK 641- “Chi phí bán hàng” các khoản chi phí bán hàng cũng như chi phí khác đều hạch toán vào TK 642- “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

#### **TK sử dụng:**

6421: Chi phí bán hàng

64211: *Chi phí nhân viên*

64212: *Chi phí xăng dầu*

64213: *Chi phí dụng cụ, đồ dùng*

64214: *Chi phí KHTS CD*

64215: *Chi phí sửa chữa xe*

64217: *Chi phí dịch vụ mua ngoài*

64218: *Chi phí bằng tiền khác.*

6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

64221: *Chi phí nhân viên quản lý*

64222: *Chi phí vật liệu quản lý*

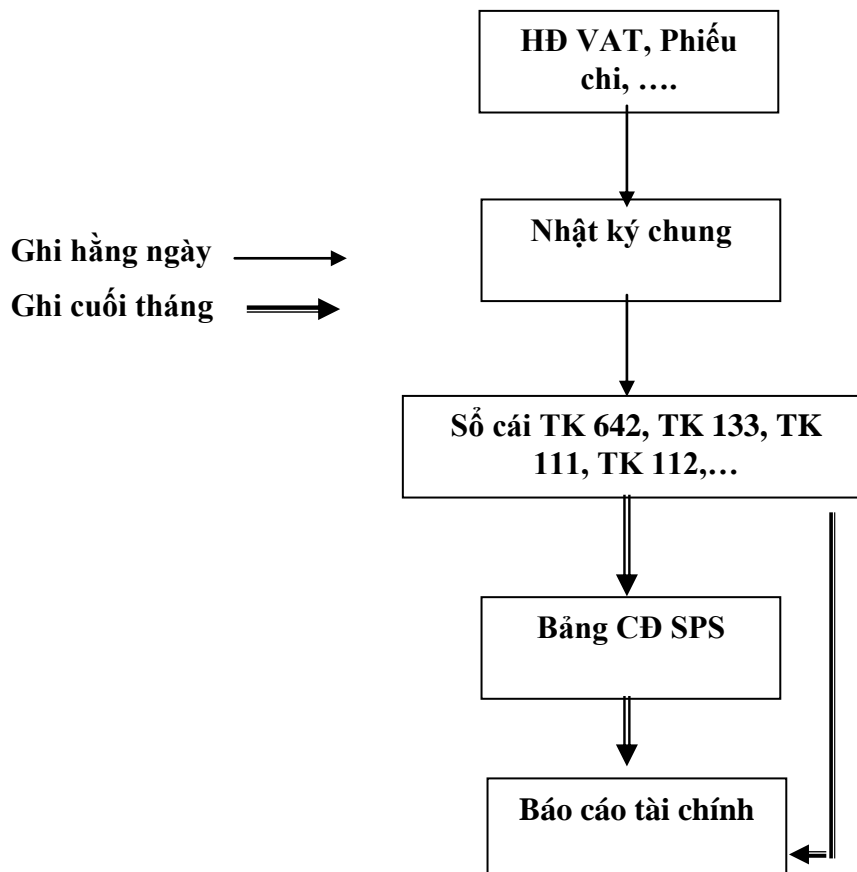
64223: *Chi phí đồ dùng văn phòng*

64224: *Chi phí KHTSCD*

64225: *Thuế, phí và lệ phí*

- **Phương thức hạch toán**

#### SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



**\* Ví dụ 3:**

Ngày 12/12/2009 Anh Hà của công ty TNHH TM Chi Lăng đi sửa ô tô tại công ty TNHH sản lắp ô tô An Biên. Với tổng trị giá thanh toán là 8.400.000đ (thuế VAT 5%) Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ GTGT Số 0069413(Biểu 13), Phiếu chi (Biểu 14)

**Biểu số 13:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01 – GTKT – 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AX/2009B		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0069413		
Ngày 12 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Sản Lắp ô tô An Biên					
Địa chỉ: Xóm 6- Thôn Do Nha- Tân Tiến- An Dương- HP					
Số tài khoản : .....					
Điện thoại :                   ...MST: <b>0200818850</b>					
Họ tên ng- ời mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng					
Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ HV - HB- HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM.....MS: <b>0200625351</b>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Lốp ô tô 1100R20	Chiếc	2	4.000.000	8.000.000
	/				
	Cộng tiền hàng				8.000.000
	Thuế suất GTGT	5%			400.000
	Tổng cộng tiền thanh toán				8.400.000
Số tiền viết bằng chữ : Tám triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn./.					
Ng- ời mua hàng	Ng- ời bán hàng	Thủ tr- ờng đơn vị			
Bán hàng qua ĐT	Nguyễn Văn Biên	Trương Việt An			

**Biểu số 14:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng  
Số 381 Đường 5 cũ HV- HB- HP

Số chứng từ: 86

**PHIẾU CHI**

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

*Nợ TK 6421: 8000.000đ*

*Nợ TK 133: 400.000đ*

*Có TK 111: 8.400.000đ*

**Họ và tên người nhận tiền:** Công ty TNHH sản lắp ô tô An Biên

**Địa chỉ:** Xóm 6- Thôn Do Nha- Tân Tiến- An Dương- HP

**Lý do chi tiền:** Thanh toán tiền sửa xe

**Số tiền:** 8.400.000đ

**Viết bằng chữ:** Tám triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn./.

**Kèm theo HĐ GTGT**

<b>Thủ trưởng ĐV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận</b>	<b>Thủ quỹ</b>
<i>(Ký, Họ tên)</i>	<i>(Ký, Họ tên)</i>	<i>(Ký, Họ tên)</i>	<i>(Ký, Họ tên)</i>	<i>(Ký, Họ tên)</i>

➔ Căn cứ vào phiếu chi (Biểu 14) Kê toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 15):

**Biểu số 15:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 – Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
								.....	.....
6/12		6/12	Bán KHL LPG -L12 cho cty kim khí Tuấn Minh	v	1123	131		960.000	
				v	1124		511		872.727
				v	1125		3331		87.273
			Phản ánh giá vốn	v	1126	632		868.464	
				v	1127		156		868.464
....		....	....	...	...	....	...	....	...
12/12	86	12/12	CP Sửa chữa xe	v	1160	642		8.000.000	
				v	1161	133		400.000	
				v	1162		111		8.400.000
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>20.159.450.699</b>	<b>20.159.450.699</b>

➔ Từ đó kế toán vào sổ cái TK 642 (Biểu số 16). Cuối tháng kế toán vào bảng CĐSPS, rồi lập BCTC.

**Biểu số 16:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

**Tháng 12- Năm 2009**

**Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu: 642**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDĐK</u></b>					
...	....		....	....	...	...	.....	.....
12/12	86	12/12	Sửa chữa xe tại cty TNHH sắm lốp ô tô An Biên		1160	111	8.000.000	
....	...		....		....		....	
31/12	96	31/12	Chi phí KHTSCĐ		1180	214	15.059.944	
31/12	97	31/12	Thanh toán lương cho CNV		1181	334	90.880.000	
31/12		31/12	Kc CP sang TK 911		1213	911		259.247.265
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>259.247.265</b>	<b>259.247.265</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

### 2.3.2.4- Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

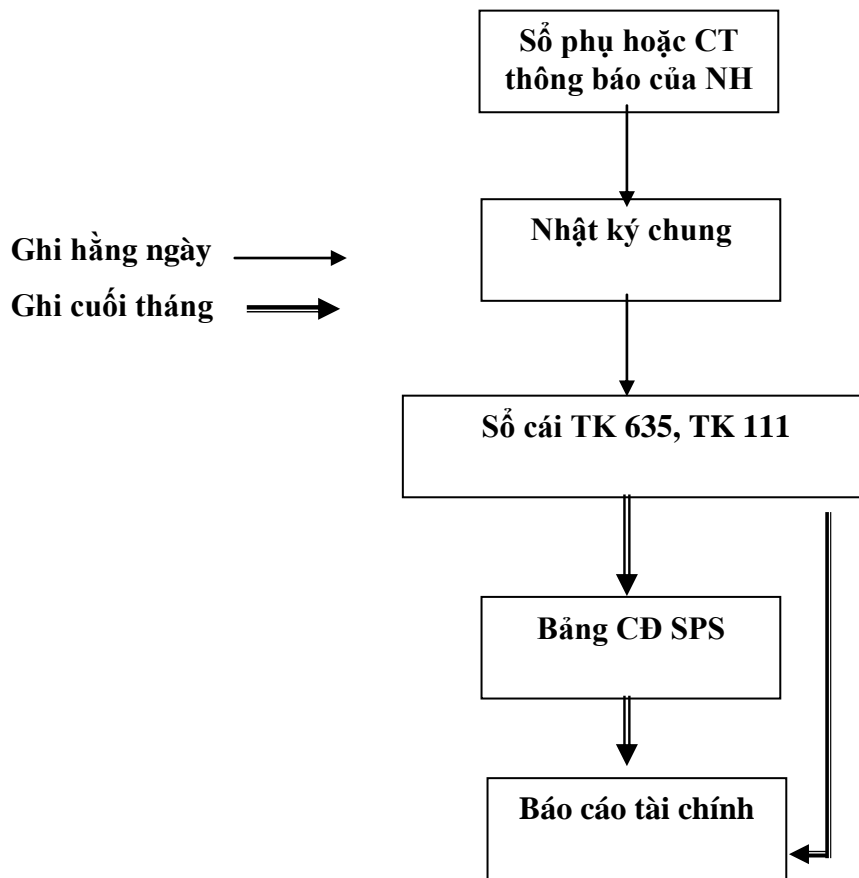
Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí như lãi vay (tại Công ty chỉ bao gồm có khoản vay ngân hàng)

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản để hạch toán chi phí tài chính của công ty là TK 635

- **Phương thức hạch toán :**

#### SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



**\* Ví dụ 6:**

Ngày 22/12/2009 Công ty TNHH TM Chi Lăng thanh toán tiền lãi vay ngân hàng ĐT & PT VN- CN HP bằng tiền mặt là 4.043.253đ.

Khoản lãi vay ngân hàng này ngân hàng BIDV thu lãi qua tài khoản ngân hàng của công ty tại ngân hàng BIDV.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 4.043.263

Có TK 112: 4.043.263

Căn cứ vào Sổ phụ (Biểu 17), phiếu hạch toán GD khách hàng (Biểu 18):

**Biểu số 17:**

Ngân hàng ĐT & PT VN

CN: 321 CN NHĐT & PT HP

**SAO KÊ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG**

TK số: 32110000297397 Loại NT: VNĐ

Tên TK: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Tháng 12- Năm 2009

Ngày	Mã GD	Số Séc	PS Nợ	PS Có	Số Dư	Diễn Giải
	<b><u>SDĐK</u></b>				<b><u>246.864.243</u></b>	
....	....				....	
22/12	1100			200.000.000	918.510.272	Cty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng
<b>22/12</b>	<b>4121</b>		<b>4.043.263</b>		<b>914.467.019</b>	<b>Thu lãi vay NH</b>
....	....		...	....	....	
31/12	4256			314.021	87.326.659	Nhận lãi TG từ NH
	<b>Tổng cộng phát sinh</b>		<b>3.550.108.227</b>	<b>3.390.570.643</b>		
	<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>87.326.659</u></b>	



**Biểu số 18:****PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG**

Số / Seq No: 0055

Ngày/ Date...../...../.....

Hạch toán theo loại chứng từ:

- Ủy nhiệm chi /Payment order                       Ủy nhiệm thu /Collection order  
 Thu nợ vay /Loan payment                               Hóa đơn bảo hiểm/ Receipt  
 Loại khác / Other

321 HOAPTT 20 HAPTT20 321-10-00-029739-7VNĐ Cty TNHH TM Chi Lăng  
 22/06/09 15:53:28 4101 TRF 321-81-00-009091-8VNĐ Cty TNHH TM Chi Lăng

DR 4.043.253 VNĐ 1.0000000 CR 4.043.253 VNĐ 1.0000000

Phí 0.00VNĐ VAT 0.00 1.0000000 MST: 0200625351

T.toán Phi/CKG COLL 0.00 VNĐ 1.0000000

HTLS TK vay 321.81.000090918

So tien goc                      0.00      Lai      4.043.253                      Lai tra cham                      0.00

Giao dịch viên/ Received                      Kiểm soát/ Verified by

➔ Căn cứ vào sổ phụ và phiếu hạch toán GD khách hàng Kế toán tiền hành vào sổ nhật ký chung (Biểu số 19)

**Biểu số 19:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12- năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			.....					.....	.....
22/12	0055	22/12	TT lãi vay NH	v	1170	635		4.043.263	
				v	1171		1111		4.043.263
			.....		...	...		....	....
31/12		31/12	Nhận lãi TG từ NH	v	1204	112		314.021	
				v	1205		515		314.021
31/12		31/12	Kết chuyển sang TK 911	v	1210	911		13.401.559	
				v	1212		635		13.401.559
			.....		...	...		....	....
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>20.159.450.699</b>	<b>20.159.450.699</b>

➔ Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 635 (Biểu số 20)

**Biểu số 20:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Tháng 12- năm 2009

Tên TK: Chi phí hoạt động TC

Số hiệu: 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
22/12	0055	22/12	Thanh toán tiền lãi vay NH		1170	111	4.043.263	
			....				....	
31/12		31/12	KC sang TK 911		1212	911		13.401.559
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>13.401.559</b>	<b>13.401.559</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

### 2.3.2.5- *Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính*

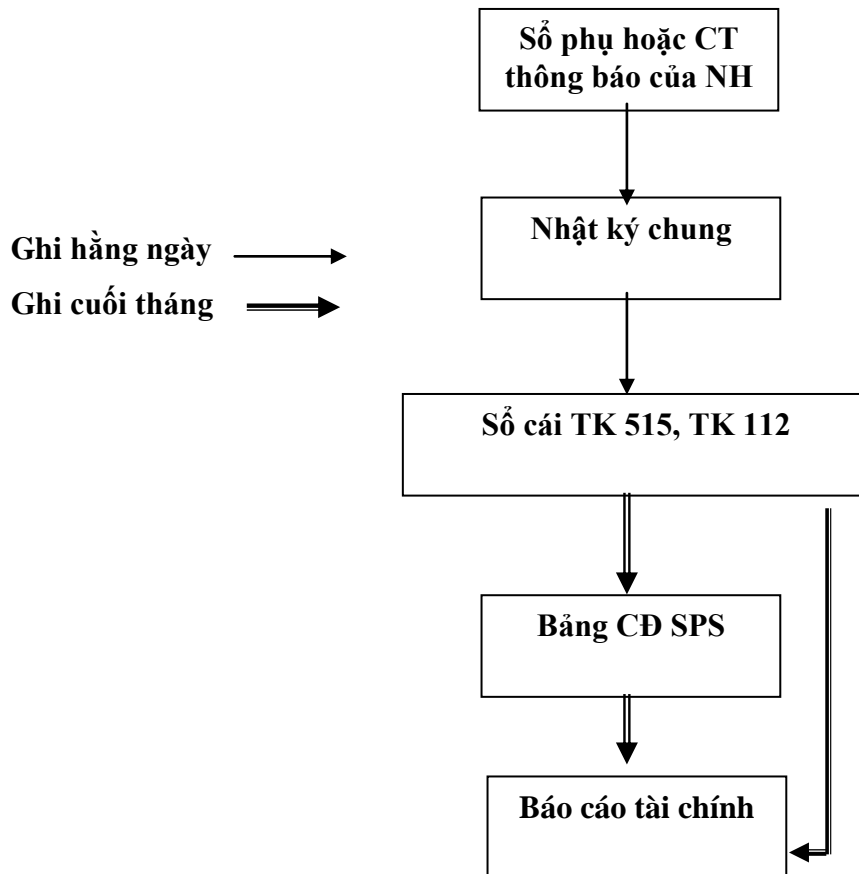
Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm khoản như lãi tiền gửi

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản để hạch toán doanh thu tài chính của công ty là TK 515

- **Phương thức hạch toán:**

#### SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



\* **Ví dụ 5:**

Cuối tháng với số d- tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng đầu t- và phát triển VN- CNHP, Công ty đã nhận đ- ợc lãi tiền gửi ngân hàng của ngân hàng với số tiền là 314.021 đ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 314.021đ

Có TK 515: 314.021đ

Căn cứ vào sổ phụ (Biểu 21):

**Biểu số 21:**

Ngân hàng ĐT & PT VN

CN: 321 CN NHĐT & PT HP

**SAO KÊ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG**

TK số: 32110000297397 Loại NT: VNĐ

Tên TK: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Tháng 12- Năm 2009

Ngày	Mã GD	Số Séc	PS Nợ	PS Có	Số Dư	Diễn Giải
	<b><u>SĐĐK</u></b>				<b><u>246.864.243</u></b>	
....	....				....	
22/12	1100			200.000.000	918.510.272	Cty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng
22/12	4121		4.043.263		914.467.019	Thu lãi vay NH
....	....		...	....	....	
<b>31/12</b>	<b>4256</b>			<b>314.021</b>	<b>87.326.659</b>	<b>Nhận lãi TG từ NH</b>
	<b>Tổng cộng phát sinh</b>		<b>3.550.108.227</b>	<b>3.390.570.643</b>		
	<b><u>SĐCK</u></b>				<b><u>87.326.659</u></b>	

➔ Căn cứ vào sao kê TKKH mà ngân hàng giao cho kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu 22)

**Biểu số 22:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12- Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			....					.....	.....
22/12		22/12	Thanh toán lãi vay NH	v	1170	635		4.043.253	
				v	1171		111		4.043.253
...		...	....		...			...	....
31/12		31/12	Ngân hàng TT tiền lãi vay ngân hàng	v	1204	112		314.021	
				v	1205		515		314.021
			....					....	....
31/12		31/12	Kết chuyển sang TK 911	v	1207	515		314.021	
				v	1209		911		314.021
			....					.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>20.159.450.699</b>	<b>20.159.450.699</b>

➔ Sau đó vào sổ cái TK 515 (Biểu 23). Cuối tháng kế toán vào bảng cân đối SPS rồi từ đó lập BCTC.

**Biểu số 23:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Tháng 12- Năm 2009

Tên TK: Doanh thu hoạt động TC

Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
31/12		31/12	Phản ánh lãi tiền vay		1205	112		314.021
			....				...	....
31/12		31/12	Kết chuyển sang TK 911		1207	911	314.021	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>314.021</b>	<b>314.021</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

### 2.3.2.4- Hạch toán thu nhập khác

Bao gồm các khoản thu được từ gas dư, giảm giá bán, giảm giá theo sản lượng...

- Gas dư là Công ty bán hàng thu về về còn thừa gas trong vỏ, khi nhập hàng ( nhập gas) tại kho Hải Phòng là kho của Công ty TNHH MTV KD KHL Nam Định đặt tại HP, còn gas dư ở trong vỏ đó cân lên và quy ra tiền.

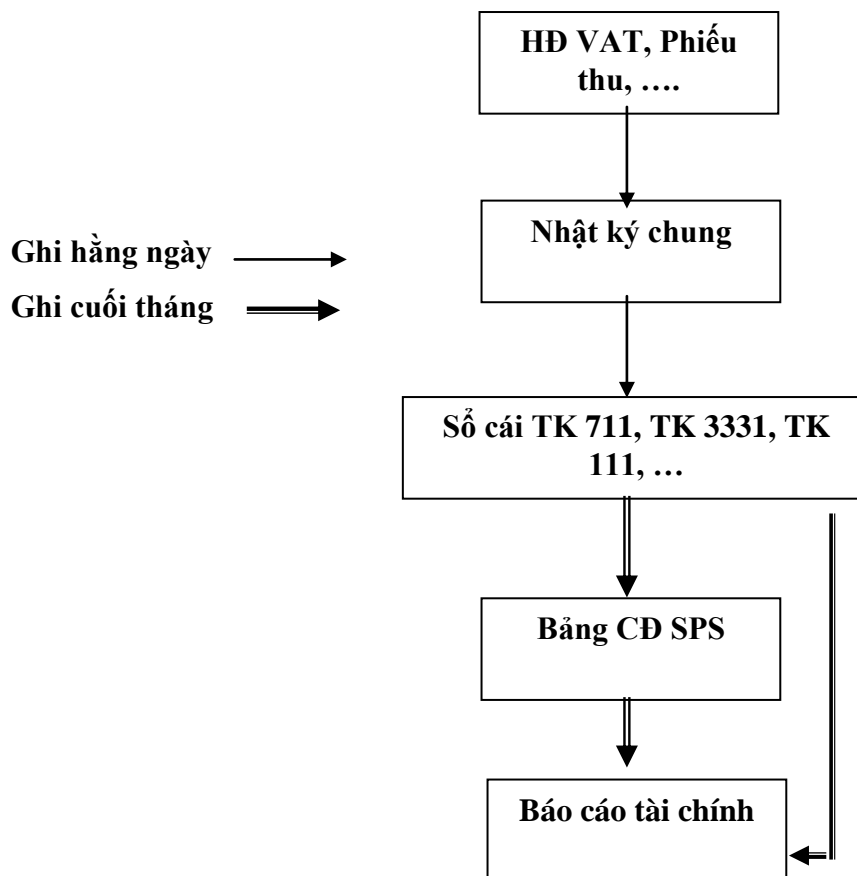
- Giảm giá bán, giảm giá theo sản lượng thì đây là khoản Công ty được hưởng nên kế toán hạch toán vào TK 711- “Thu nhập khác”.

- **TK sử dụng**

TK để hạch toán TN khác là TK 711

- **Phương thức hạch toán**

#### SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ





**\* Ví dụ 4:**

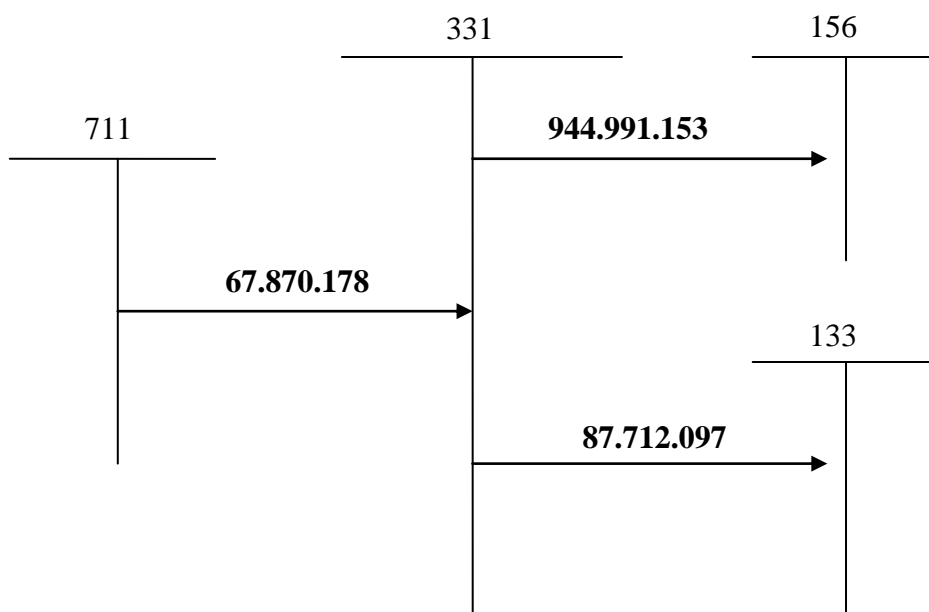
Ngày 29/12/2009 cty TNHH TM Chi Lăng nhập KHL LPG- L12, L45 với tổng giá thanh toán là 964.833.072đ (VAT 10%). Chưa thanh toán cho Cty TNHH MTV KD KHL Nam Định.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 156 :	944.991.153đ
4(a) Nợ TK 133 :	87.712.097đ
Có TK 331:	1.032.703.250đ
4(b) Nợ TK 331:	67.870.178đ
Có TK 711:	67.870.178đ

Thu nhập khác = 61.131.818 + 2.647.451 + 4.090.909 = 67.870.178đ

***Ta có sơ đồ hạch toán nghiệp vụ này như sau:***



Căn cứ vào HĐ GTGT số 0071109 (Biểu 24 ) mà cty TNHH MTV KD KHL Nam Định giao cho kế toán vào sổ theo trình tự sau:

**Biểu số 24:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01 – GTKT – 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AX/2009B		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0071109		
Ngày 29 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH MTV KD KHL Nam Định					
Địa chỉ: Số 58 B Trần Nhân Tông- Nam Định					
Số tài khoản : .....					
Điện thoại :                   ...MST: <b>0600390993</b>					
Họ tên ng- ời mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng					
Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ HV - HB- HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM.....MS: <b>0200625351</b>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	KHL LPG- L12	kg	61.896	12.198,18	755.018.662
2	KHL LPG- L45	kg	15.930	11.925,45	189.972.491
3	Giảm giá theo SL	Đ			61.131.818
4	Gas dư	kg	222	11.925,45	2.647.451
5	Giảm giá bán	Đ			4.090.909
	<b>Cộng tiền hàng</b>				<b>877.120.975</b>
	Thuế suất GTGT		10%		87.712.097
	<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>				<b>964.833.072</b>
Số tiền viết bằng chữ : Chín trăm sáu mươi tư triệu tám trăm ba mươi ba ngàn không trăm bảy mươi hai đồng chẵn./.					
Ng- ời mua hàng		Ng- ời bán hàng		Thủ tr- ợng đơn vị	
Bán hàng qua ĐT		Nguyễn Thu Huyền		Trần Đức Thắng	

➔ Căn cứ vào HDGTGT kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 25)

**Biểu số 25:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12- Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
...			.....			....		.....	.....
22/12	PC 96	22/12	Thanh toán lãi vay NH bằng TM	v	1170	635		4.043.253	
				v	1171		111		4.043.253
...		...	....	v	...			....	...
29/12	HD 71109	29/12	Nhập KHL LPG-L12,L45 của Cty TNHH MTV KD KHL ND	v	1200	156		944.991.153	
				v	1201	133		87.712.097	
				v	1202		331		1.032.703.250
				v	1203	331		67.870.178	
							711		67.870.178
			.....	....	....	....	...	....	.....
31/12		31/12	KC TN khác sang TK 911	v	1208	711		67.870.178	
				v	1209		911		67.870.178
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>20.159.450.699</b>	<b>20.159.450.699</b>

➔ Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 711 (Biểu số 26)

**Biểu số 26:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

**Tháng 12 - Năm 2009**

**Tên TK: Thu nhập khác**

**Số hiệu: 711**

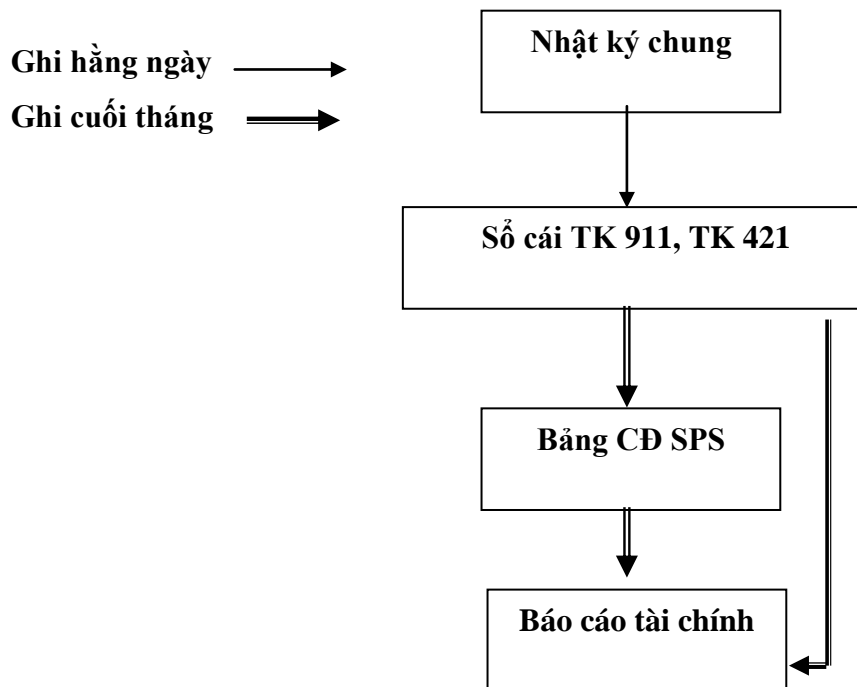
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
29/12	<b>HD 71109</b>	29/12	<b>Phải trả người bán</b>		<b>1203</b>	<b>331</b>		<b>67.870.178</b>
			....				....	...
31/12		31/12	KC TN khác sang TK 911		1208	911	67.870.178	
			<b>Tổng cộng</b>				<b>67.870.178</b>	<b>67.870.178</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

**2.3.2.7- Xác định kết quả kinh doanh**

Để xác định KQKD, Cty sử dụng TK 911 và các sổ sách có liên quan. Sổ cái TK 911 là sổ tổng hợp phản ánh một cách khái quát nhất về KQKD của doanh nghiệp trong kỳ.

Theo quy định của chế độ tài chính hiện hành, nội dung cách xác định kết quả của từng loại hoạt động như sau:

KQ HĐ KD Thông Thường	=	Doanh Thu Thuần	+	Doanh Thu TC	+	Thu Nhập Khác	-	Giá Vốn Hàng Bán	-	Chi Phí Tài Chính	-	CPBH CP QLDN	-	Chi Phí Khác
-----------------------------------	---	-----------------------	---	--------------------	---	---------------------	---	---------------------------	---	----------------------------	---	--------------------	---	--------------------

**SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ**

**\* Ví dụ 7**

Trong Năm 2009, doanh nghiệp có các chỉ tiêu và Kế toán định khoản như sau:

	Nợ TK 511:	30.580.796.065
7 (a)	Nợ TK 515:	4.456.510
	Nợ TK 711:	810.179.910
	Có TK 911:	31.395.432.485
	Nợ TK 911:	31.156.514.819
7 (b)	Có TK 632:	27.886.612.839
	Có TK 635:	277.460.870
	Có TK 642:	2.992.441.110
7 (c)	Nợ TK 8211:	59.729.417
	Có TK 3334:	59.729.417
7 (d)	Nợ TK 911:	59.729.417
	Có TK 8211:	59.729.417
7 (e)	Nợ TK 911:	179.188.253
	Có TK 421:	179.188.253

Như vậy:

$$\text{Tổng doanh thu} = 30.580.796.065 + 4.456.510 + 810.179.910 = 31.395.432.485$$

$$\text{Tổng chi phí} = 27.886.612.839 + 277.460.870 + 2.992.441.110 = 31.156.514.819$$

$$\text{Kết quả HĐ kinh doanh} = 31.395.432.485 - 31.156.514.819 = 238.917.670$$

Như vậy trong Năm 2009 công ty đã lãi là 238.917.670đ

$$\text{Số thuế TNDN thực tế mà DN phải nộp} = 238.917.670 * 0.25\% = 59.729.417$$

➔ Kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 27):

**Biểu số 27**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2009

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
...			.....			....	....	.....	.....
31/12		31/12	KC DT BH & CCDV	v	1206	511		30.580.796.065	
			KC DT HĐ TC	v	1207	515		4.456.510	
			KC TN khác	v	1208	711		810.179.910	
				v	1209		911		31.395.432.485
				v	1210	911		31.156.514.819	
			KC GV HB	v	1211		632		27.886.612.839
			KC CP TC	v	1212		635		277.460.870
			KC CP BH	v	1213		642		2.992.441.110
			Thuế TNDN	v	1214	821		59.729.417	
				v	1215		3334		59.729.417
				v	1216	911		59.729.417	
			KC CP Thuế TNDN	v	1217		821		59.729.417
				v	1218	911		179.188.253	
			KC lãi	v	1219		421		179.188.253
			<b>Cộng phát sinh</b>					<b>520.159.450.699</b>	<b>520.159.450.699</b>

➔ Sau đó vào sổ cái TK 821, TK 911, TK 421. Từ đó cuối tháng vào bảng CĐ SPS rồi lập BCTC.

Căn cứ vào tờ khai thuế TNDN, kế toán xác định số thuế TNDN cả 4 quý - năm 2009 là 40.986.776đ

Cuối năm 2009 thuế TNDN của công ty thực tế là 59.729.417đ. Vậy phần chênh lệch so với số thuế tạm tính cả 4 quý là 18.742.641đ



**Biểu số 28**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Năm 2009

Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SĐĐK</u></b>					
10/2		10/2	Tạm tính thuế TNDN Quý I		736	3334	9.564.778	
5/4		5/4	Tạm tính thuế TNDN Quý II		810	3334	10.665.222	
3/7		3/7	Tạm tính thuế TNDN Quý III		900	3334	10.231.778	
2/10		2/10	Tạm tính thuế TNDN Quý IV		1000	3334	10.524.998	
31/12		31/12	Điều chỉnh theo kiểm toán tăng thuế TNDN			3334	18.742.641	
31/12		31/12	KC CP thuế TNDN sang TK 911		1217	911		59.729.417
			<b>Tổng cộng</b>				<b>59.729.417</b>	<b>59.729.417</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

**Biểu số 29**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Năm 2009

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SĐĐK</u></b>					
31/12		31/12	KC DTBH		1206	511		30.580.796.065
			KC DTHĐTC		1207	515		4.456.510
			KC TN Khác		1208	711		810.179.910
			KC GVốn		1211	632	27.886.612.839	
			KC CPTC		1212	635	277.460.870	
			KC CPBH		1213	642	2.992.441.110	
			KC CP Thuế TNDN		1217	821	59.729.417	
			KC Lãi		1218	421	179.188.253	
			<b>Tổng cộng</b>				<b>31.395.432.485</b>	<b>31.395.432.485</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					

**Biểu số 30**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Số 381- đường 5 cũ- HV-HB-HP

**SỔ CÁI**

Năm 2009

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					<b><u>435.134.023</u></b>
31/12		31/12	KC lãi		1219	911		179.188.253
			<b>Tổng cộng</b>					<b>179.188.253</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					<b><u>614.322.276</u></b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh**

Năm 2009

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trƣớc
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30.580.796.065	28.226.243.277
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		30.580.796.065	28.226.243.277
4.Giá vốn hàng bán	11		27.886.612.839	28.318.905.659
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.694.183.226	(92.662.382)
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.456.510	4.301.246
7.Chi phí tài chính -Trong đó: chi phí lãi vay	22		277.460.870	256.361.223
8.Chi phí bán hàng	24			
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.992.441.110	1.061.261.113
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{ 30=20+(21-22) - (24 -25)}	30		(571.262.244)	(1.405.983.472)
11.Thu nhập khác	31		810.179.910	1.034.587.239
12.Chi phí khác	32			
13.Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		810.179.910	1.034.587.239
14.Tổng lợi nhuận tr- ớc thuế (50 = 30 + 40)	50		238.917.666	(371.396.233)
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		59.729.417	
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50 - 51 -52)	60		<b>179.188.253</b>	<b>(371.396.233)</b>
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH TM CHI LĂNG****3.1. Một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Chi Lăng****3.1.1. Một số ưu điểm trong việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Chi Lăng**

Mặc dù có bề dày phát triển chưa lâu nhưng Công ty TNHH TM Chi Lăng đã và đang khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường. Những hợp đồng bán hàng với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng nhiều vùng miền phần nào khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của Công ty. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh. Những ưu điểm của Công ty trong công tác tổ chức hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau:

- *Về bộ máy kế toán:* Trong Công ty có sự phân công công việc và phối hợp giữa nhân viên các phòng ban đã góp phần làm giảm khối lượng công việc của mỗi người.

- *Về hình thức kế toán:* Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi, dễ áp dụng CNTT.

Dựa trên những đặc điểm kinh doanh của Công ty là công ty thương mại, có quy mô nhỏ cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực trình độ chuyên môn của các cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp, chứng từ cũng như trình độ luân chuyển chứng từ luôn theo đúng chế độ qui định. Cách ghi chép sổ sách và phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý, việc tổ chức hạch toán khoa học rõ ràng, giảm được công việc ghi sổ kế toán.

- *Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp vào ngân sách nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của Công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của hàng hoá, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan quản lý chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng,...Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả.

- Nguyên tắc hoàn thiện

- Nguyên tắc phù hợp

- Nguyên tắc khả thi

- Nguyên tắc hiệu quả

- Yêu cầu hoàn thiện

+ Cung cấp số liệu thông tin về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, kịp thời chính xác, rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu.

+ Đảm bảo tiết kiệm, thiết thực khả thi.

+ Phải có một quy chế kiểm tra, xử lý chặt chẽ. Kế toán trưởng phải có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực để làm tốt công tác kế toán và lập BCTC một cách khoa học, phù hợp với nhiều đối tượng. Bên cạnh đó, lãnh đạo công ty cũng phải am hiểu về kế toán để tiện kiểm tra, theo dõi

### ***3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục.***

#### **Tồn tại 1:**

Việc sử dụng và hạch toán một số tài khoản các nghiệp vụ phát sinh còn chưa hợp lý làm ảnh hưởng tới nội dung của các báo cáo kế toán như ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận trong kỳ hạch toán. Cụ thể công ty hạch toán TK 642 để hạch toán chung cho các khoản chi phí mua hàng, chi phí bán hàng, chi phí khác. Việc dùng một TK để hạch toán 3 khoản phí giúp giảm bớt công việc cho kế toán nhưng lại gây khó

khẩn cho quá trình kiểm tra, giám sát mà các khoản phí này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp nên cần có những điều chỉnh.

**Tồn tại 2:** Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng như dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi.

**Tồn tại 3:** Phương pháp tính giá hàng xuất kho công ty đang áp dụng hiện nay là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Đây là một phương pháp đơn giản, dễ làm nhưng chỉ đến cuối kỳ mới tính được giá đơn vị bình quân vì vậy ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán, không chính xác do tính bình quân

**Tồn tại 4:** Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán, kế toán mới chỉ làm kế toán Excel. Công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy vừa viết tay nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu.

**Tồn tại 5:** Công tác thu hồi nợ đọng còn nhiều hạn chế.

**Tồn tại 6:** Đội ngũ cán bộ nhân viên toàn bộ là trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm. Bên cạnh đó có nhiều người chưa có kiến thức chuyên môn, dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

### ***3.1.3. Ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Chi Lăng***

#### **Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống quản lý trên máy bằng phần mềm kế toán**

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính excell tuy có tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Chính vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn và tự động tính toán và thực hiện bút toán kết chuyển vừa đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

#### **Ý kiến 2: Về hạch toán TK 521 “Chiết khấu thương mại”**

Đề khuyến khích khách hàng mua số lượng lớn và khách hàng truyền thống công ty đã trả một khoản chiết khấu cho khách hàng. Khoản chiết khấu cho khách được công ty phản ánh vào TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Cách ghi như vậy là không đúng nguyên tắc kế toán bởi đây là một khoản giảm trừ doanh thu không phải là một

khoản chi phí. Bởi vậy, để chính xác hơn công ty phải phản ánh thông qua TK 521 “Chiết khấu thương mại”.

**Ý kiến 3: Công ty nên trích lập các khoản dự phòng như:**

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra, đặc biệt là sự giảm giá của hàng hóa cũng như sự biến động giá cả trên thị trường hiện nay thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết. Để lập các khoản phải thu khó đòi kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 159)
- Dự phòng phải thu khó đòi (TK 139)
- Dự phòng phải trả (TK 352)

**Ý kiến 4: Nâng cao chất lượng sản phẩm:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo giới thiệu sản phẩm là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của Công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, cố gắng giải quyết các mâu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

**Ý kiến 5: Thu hồi công nợ**

- Cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thanh toán thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc: lợi ích của công ty không bị xâm phạm, đồng thời không bị mất đi bạn hàng.

- Công ty nên áp dụng "chiết khấu thanh toán" cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn.. Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi



hay áp dụng các biện pháp xử phạt... có như vậy công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

**Ý kiến 6: Phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng loại mặt hàng**

- Công ty nên phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng loại hàng hóa theo công thức sau:

$$CFQL_i = CFQL \times \frac{DT_i}{DT}$$

CFQL<sub>i</sub> : Chi phí quản lý phân bổ từng loại hàng hoá  
 CFQL : Tổng chi phí quản lý cần phân bổ  
 DT<sub>i</sub> : Doanh thu từng loại hàng hoá  
 DT : Tổng doanh thu

Ví dụ : Phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo mặt hàng KHL LPG L12 ta xác định được như sau:

$$CFQL(\text{KHL LPG L12}) = 259.247.265 * \frac{1.652.718.778}{3.434.792.000} = 124.741.999,81$$

Nếu phân bổ chi phí như vậy sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát được chi phí tốt hơn để từ đó có kế hoạch giảm được tối đa chi phí, việc này rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy việc phân bổ chi phí là hết sức quan trọng với mỗi doanh nghiệp.

***Nguyên nhân của thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Chi Lăng:***

- Đất nước ta mới chuyển sang cơ chế thị trường vì vậy nền kinh tế còn kém phát triển
- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ. Quá trình xử lý vi phạm không nghiêm minh
- Về phía tổ chức nghề nghiệp: Hoạt động còn mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn
- Yêu cầu quản lý, kiểm tra công tác kế toán tại công ty không đầy đủ, không chặt chẽ
- Trình độ của cán bộ kế toán còn hạn chế chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng

- Tính tự giác và tinh thần trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao

➤ ***Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Chi Lăng***

★ *Về phía nhà nước*

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm pháp luật.

+ Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với những công ty khi mới chuyển sang hình thức cổ phần hoá

★ *Về phía công ty*

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, KHCN phục vụ công tác kế toán

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho CBCNV có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp

+ Thường xuyên cập nhật thông tin về cơ chế chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước và các thông tin khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài: "*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Chi Lăng*".

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ...phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty TNHH TM Chi Lăng đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty em xin phép mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là thầy giáo- Tiến sĩ Lưu Đức Tuyên cùng các anh chị phòng kế toán trong công ty TNHH TM Chi Lăng đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề.

*Hải Phòng ngày...tháng...năm 2010*

Sinh viên

Nguyễn Hương Trà

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1- Chế độ kế toán doanh nghiệp

- Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.

- Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán.

Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

*Tác giả: Ban biên tập bộ tài chính*

*Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội năm 2006.*

### 2- Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán

*Trường đại học kinh tế quốc dân - Khoa kế toán.*

*Tác giả: PGS.TS Nguyễn Thị Đông*

*Nhà xuất bản tài chính Hà Nội, năm 2007*

### 3- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

### 4- Các chứng từ, sổ sách, mẫu sổ kế toán năm 2009 tại công ty TNHH TM Chi Lăng.

### 5- Giáo trình kế toán quản trị

*Trường đại học kinh tế quốc dân - Khoa kế toán*

*Tác giả: PGS. Nguyễn Minh Phương*

*Nhà xuất bản giáo dục*

### 6- Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh - Chủ biên PGS.TS Phạm Văn Kể.

### 7- Chuẩn mực kế toán Việt Nam - Websise: [www.google.com](http://www.google.com)

Websie: [ketoanvietnam.com](http://ketoanvietnam.com)



















